



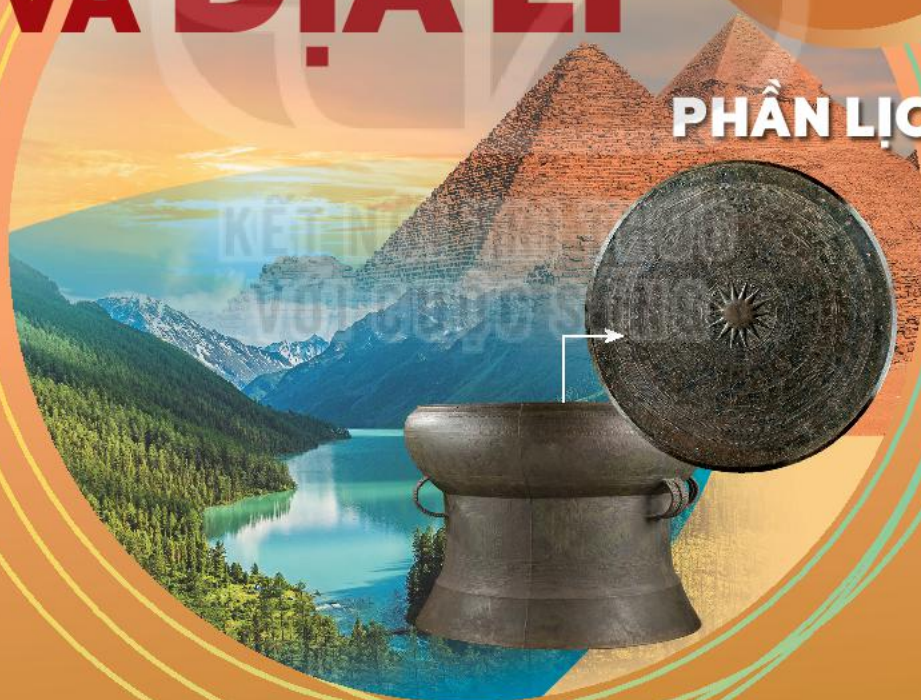
ĐINH NGỌC BẢO (Chủ biên)

PHAN NGỌC HUYỀN – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – HOÀNG ANH TUẤN

Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

6

PHẦN LỊCH SỬ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐINH NGỌC BẢO (Chủ biên)

PHAN NGỌC HUYỀN – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – HOÀNG ANH TUẤN

Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ **6**

PHẦN LỊCH SỬ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Bài tập *Lịch sử và Địa lí 6 – Phần Lịch sử* được biên soạn bám sát nội dung SGK *Lịch sử và Địa lí 6 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm mục đích giúp các em luyện tập; củng cố những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong quá trình học tập trên lớp cũng như vận dụng vào cuộc sống hiện tại.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Gồm nhiều dạng bài tập như câu hỏi trắc nghiệm (để kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức của học sinh), bài tập tự luận ở các mức độ (để rèn luyện kĩ năng trình bày, giải thích, suy luận, vận dụng và đánh giá của học sinh).

Phần hai: ĐÁP ÁN (đối với câu hỏi trắc nghiệm) VÀ GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP (đối với dạng tự luận)

Các tác giả hi vọng *Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 – Phần Lịch sử* (Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*) sẽ hỗ trợ tốt các em trong quá trình học tập và có thêm hứng thú khi tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng khó tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP	5
CHƯƠNG 1. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?	5
Bài 1. Lịch sử và cuộc sống	5
Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?	7
Bài 3. Thời gian trong lịch sử.	10
CHƯƠNG 2. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ	13
Bài 4. Nguồn gốc loài người.	13
Bài 5. Xã hội nguyên thủy	15
Bài 6. Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy	18
CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI	22
Bài 7. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	22
Bài 8. Ấn Độ cổ đại	24
Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.	27
Bài 10. Hy Lạp và La Mã cổ đại	29
CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X	33
Bài 11. Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.	33
Bài 12. Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X)	36
Bài 13. Giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.	38
CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	42
Bài 14. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.	42
Bài 15. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc	45
Bài 16. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X	48
Bài 17. Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt	50
Bài 18. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	52
Bài 19. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.	55
Bài 20. Vương quốc Phù Nam	58
PHẦN HAI: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP	61

PHẦN MỘT: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

CHƯƠNG

1

VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?

Bài 1

LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Lịch sử được hiểu là*

- A. những chuyện cổ tích được kể truyền miệng.
- B. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.
- C. những bản ghi chép hay tranh, ảnh còn được lưu giữ lại.
- D. sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình.

1.2. *Phân môn Lịch sử mà chúng ta được học là*

- A. môn học tìm hiểu lịch sử thay đổi của Trái Đất dưới sự tác động của con người.
- B. môn học tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện cho đến ngày nay.
- C. môn học tìm hiểu tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.
- D. môn học tìm hiểu những chuyện cổ tích do người xưa kể lại.

1.3. *Hình 1 (trang 9, SGK) giúp em hiểu biết về*

- A. sự xuất hiện của máy tính điện tử trên thế giới.
- B. sự thay đổi của các loại hình máy tính điện tử qua thời gian.
- C. đặc điểm của các thế hệ máy tính điện tử.
- D. sự thay đổi của máy tính điện tử qua thời gian, đó chính là lịch sử phát triển của máy tính điện tử.

1.4. Khoa học lịch sử là một ngành khoa học nghiên cứu về

- A. quá trình hình thành và phát triển của Trái Đất.
- B. các thiên thể trong vũ trụ.
- C. quá trình hình thành và phát triển của loài người và xã hội loài người.
- D. sinh vật và động vật trên Trái Đất.

1.5. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Học lịch sử để biết được về cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.
- B. Học lịch sử để biết được quá trình tiến hoá của muôn loài.
- C. Học lịch sử để biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, lĩnh vực.
- D. Học lịch sử để đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại và xây dựng tương lai.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.
- B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.
- C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.
- D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

B Tự luận

1. Lịch sử giúp chúng ta hiểu biết những gì? Bản thân em biết được thêm những gì thông qua việc học tập lịch sử?
2. Với cá nhân em, hình thức học tập lịch sử nào khiến em hứng thú nhất? Vì sao?
3. Em hãy giải thích vì sao Bác Hồ lại nói: *"Hôm nay gặp các chú ở Đền Hùng có ý nghĩa to lớn vì Vua Hùng là vị vua khai quốc... Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước."* Lời căn dặn này của Bác nói lên điều gì về vai trò của lịch sử đối với cuộc sống hiện nay?
4. Hãy hỏi người thân để vẽ lại sơ đồ tộc phả gia đình em (khoảng 4 thế hệ) và giới thiệu với bạn. Thông qua sơ đồ, em biết điều gì về gia đình mình?

Bài 2

DỰA VÀO ĐÂU ĐỂ BIẾT VÀ PHỤC DỰNG LẠI LỊCH SỬ?

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Tư liệu hiện vật là*

- A. di tích, đồ vật của người xưa còn được giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.
- B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
- C. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
- D. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.

1.2. *Tư liệu chữ viết là*

- A. những hình khắc trên bia đá.
- B. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết; vở chép tay,... từ quá khứ còn được lưu lại đến ngày nay.
- C. những hình vẽ trên vách hang đá của người nguyên thủy.
- D. những câu chuyện cổ tích.

1.3. *Truyện thuyết “Sơn Tinh – Thủy Tinh” cho biết điều gì về lịch sử của dân tộc ta?*

- A. Truyền thống chống giặc ngoại xâm.
- B. Truyền thống nhân đạo, trọng chính nghĩa.
- C. Nguồn gốc dân tộc Việt Nam.
- D. Truyền thống làm thủy lợi, chống thiên tai.

1.4. *Hình 4. Những tấm bia ghi tên người đỗ Tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội) (trang 12, SGK) thuộc loại tư liệu nào?*

- A. Tư liệu hiện vật.
- B. Tư liệu truyền miệng.
- C. Tư liệu chữ viết.
- D. Cả tư liệu hiện vật và chữ viết.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Các nhà sử học chỉ cần dựa vào phán đoán của mình về hiện vật, sự kiện, nhân vật lịch sử,... để phục dựng lại lịch sử.
- B. Các nhà sử học dựa vào các nền văn hoá khảo cổ để phục dựng lại lịch sử.

- C. Các nhà sử học dựa vào các nguồn sử liệu: hiện vật, chữ viết, truyền miệng, gốc,... để phục dựng lại lịch sử.
- D. Các nhà sử học phục dựng lại lịch sử mà không cần dựa vào các công trình nghiên cứu của các nhà địa chất học, sinh vật học, động vật học.
- E. Tư liệu gốc là những câu chuyện cổ tích, truyền thuyết lịch sử.
- G. Tư liệu gốc là những đồ vật của người xưa còn được lưu giữ.
- H. Tư liệu gốc là những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó.
- I. Tư liệu gốc là những di tích, danh thắng thiên nhiên, công trình kiến trúc của người xưa còn được bảo tồn đến ngày nay.

3. Hãy ghép nguồn sử liệu ở cột A với khái niệm, ý nghĩa ở cột B sao cho phù hợp.

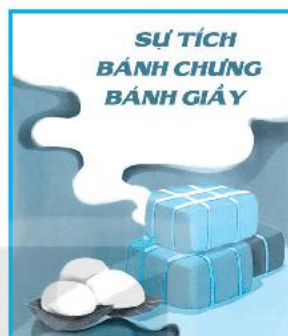
Cột A	Cột B
1. Tư liệu truyền miệng	a. Những di tích, đồ vật của người xưa còn được giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.
2. Tư liệu hiện vật	b. Những bản ghi, sách vở chép tay hay được in, khắc trên giấy, gỗ, đá.
3. Tư liệu chữ viết	c. Những câu chuyện, những lời mô tả được truyền từ đời này sang đời khác bằng nhiều hình thức khác nhau.
	d. Không cho biết chính xác về địa điểm và thời gian, nhưng phần nào phản ánh hiện thực lịch sử.
	e. Là những tư liệu "câm", nhưng cho biết khá cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa.
	g. Cho biết tương đối đầy đủ về các mặt của cuộc sống, nhưng thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.

B Tự luận

1. Theo em, những nguồn sử liệu nào có thể sử dụng để tìm hiểu và phục dựng lại lịch sử? Hãy nêu ví dụ cụ thể.
2. Các nguồn sử liệu có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu lịch sử?
3. Hãy cho biết những tư liệu lịch sử dưới đây thuộc loại sử liệu nào? Vì sao?



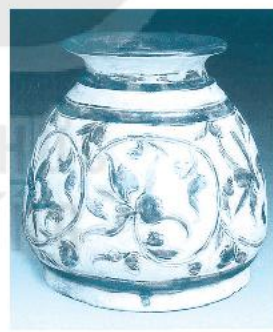
a. Chùa Một Cột (Hà Nội) được xây dựng vào thế kỉ XI, là một trong những biểu tượng của Thủ đô Hà Nội



b. Sự tích Bánh chưng, bánh giầy – một truyền thuyết của người Việt cổ



c. Bản dịch Chếu dời đô của Lý Thái Tổ



d. Bình gốm hoa nâu thời Trần

4. Từ đoạn tư liệu dưới đây, em có nhận xét gì về vai trò của lịch sử?

“Sử để ghi chép việc, mà việc thì hay hoặc dở đều làm gương để răn dạy cho đời sau”.

“Sử phải tỏ rõ được sự phải trái, công bằng, yêu, ghét, vì lời khen của sử còn vinh dự hơn áo đẹp vua ban, lời chê của sử còn nghiêm khắc hơn búa rìu, sử thực là cái cân, cái gương của muôn đời”.

(Theo Đại Việt sử kí toàn thư, tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972).

A Trắc nghiệm**1. Hãy xác định phương án đúng.**

1.1. Con người sáng tạo ra các cách tính thời gian phổ biến trên thế giới dựa trên cơ sở nào?

- A.** Sự lên, xuống của thủy triều.
- B.** Các hiện tượng tự nhiên như mưa, gió, sấm, chớp,...
- C.** Sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất và sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- D.** Quan sát sự chuyển động của các vì sao.

1.2. Dương lịch là loại lịch dựa theo

- A.** sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- B.** sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- C.** sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất và sự di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất quanh Mặt Trời.
- D.** chu kì chuyển động của Trái Đất quanh trục của nó.

1.3. Theo em, âm lịch là loại lịch dựa theo

- A.** chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Mặt Trời.
- B.** chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- C.** chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- D.** chu kì chuyển động của Mặt Trời quanh Trái Đất.

1.4. Trên các tờ lịch của Việt Nam đều có ghi cả âm lịch và dương lịch vì

- A.** cả âm lịch và dương lịch đều chính xác như nhau.
- B.** ở nước ta vẫn dùng hai loại lịch âm và lịch dương song song với nhau.
- C.** âm lịch là theo phương Đông còn dương lịch là theo phương Tây.
- D.** nước ta dùng dương lịch theo lịch chung của thế giới, nhưng trong nhân dân vẫn dùng âm lịch theo truyền thống.

2. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử? Hãy xác định các ý trả lời sau đây đúng hay sai.

- A. Để biết sự kiện đó đã xảy ra trong quá khứ.
- B. Để ghi nhớ sự kiện.
- C. Để sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự đã xảy ra của nó.
- D. Để phục dựng và tái hiện lại sự kiện.

3. Hãy ghép ô bên trái với ô bên phải cho phù hợp về nội dung.

3.1.

1. Lịch dựa theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

a. Một thế kỉ

2. Lịch dựa theo chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

b. Âm lịch

3. Lịch lấy năm tương truyền chúa Giê-su ra đời làm năm đầu tiên.

c. Một thiên niên kỉ

4. 10 năm

d. Dương lịch

5. 100 năm

e. Công lịch

6. 1 000 năm

g. Một thập kỉ

3.2.

1. Năm 179 TCN

a. Thế kỉ I

2. Năm 2500 TCN

b. Thế kỉ X

3. Năm 40

c. Thế kỉ II TCN

4. Năm 938

d. Thiên niên kỉ III TCN

B Tự luận

1. Hãy vẽ trục thời gian thể hiện các sự kiện lịch sử dưới đây theo đúng trình tự.

Năm 40: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ.

Năm 2000 TCN: Đã tìm thấy những mẫu xỉ đồng thuộc văn hoá Phùng Nguyên.

Năm 938: Chiến thắng Bạch Đằng.

Năm 179 TCN: Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc.

Năm 1930: Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

Năm 1975: Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Năm 1010: Lý Công Uẩn ban *Chiếu dời đô*.

2. Các sự kiện sau đây được ghi theo âm lịch hay dương lịch?

Ngày 2 tháng 1 năm Mậu Tuất: Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

Ngày 5 tháng 1 năm Kỷ Dậu (1789): Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.

Tháng 2 năm Canh Tý: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ.

3. Trong quá trình phát triển, loài người đã có những phát minh gì để xác định thời gian?
4. Theo em, việc sử dụng đồng thời cả âm lịch và công lịch ở nước ta hiện nay có những thuận lợi và khó khăn gì đối với cuộc sống của người dân?
5. Hãy điền con số chính xác vào chỗ trống (...) trong các câu sau.

Nhà nước Âu Lạc thành lập khoảng năm 208 TCN, cách năm hiện tại năm.

Khởi nghĩa Mai Thúc Loan bùng nổ năm 713, cách năm hiện tại năm.

Quân Nam Hán sang xâm lược nước ta lần thứ nhất cách năm 2021 là 1091 năm, đó là vào năm

Nhà nước Văn Lang – nhà nước đầu tiên ở Việt Nam ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN, cách năm hiện tại thế kỉ.

Bài 4

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Loài người là kết quả của quá trình tiến hoá từ

A. Người tối cổ.

B. Vượn.

C. Vượn người.

D. Người tinh khôn.

1.2. Người tối cổ đã xuất hiện cách ngày nay bao nhiêu năm?

A. Khoảng 5 – 6 triệu năm.

B. Khoảng 4 triệu năm.

C. Khoảng 15 vạn năm.

D. Khoảng 3 triệu năm.

1.3. Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng 60 vạn năm trước.

B. Khoảng 15 vạn năm trước.

C. Khoảng 4 vạn năm trước.

D. Khoảng 10 vạn năm trước.

1.4. So với loài Vượn người, về cấu tạo cơ thể, Người tối cổ tiến hoá hơn hẳn điểm nào?

A. Trán thấp và bẹt ra sau, u mày nổi cao.

B. Đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể.

C. Thể tích sọ lớn hơn, đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não.

D. Cơ thể Người tối cổ lớn hơn Vượn người.

1.5. Phát minh quan trọng nhất của Người tối cổ là

A. chế tác công cụ lao động.

B. biết cách tạo ra lửa.

C. chế tác đồ gốm.

D. chế tác đồ gỗ, đồ gốm.

2. Hãy xác định các ý trả lời sau đây đúng hay sai.

2.1. Muốn tìm dấu tích của Người tối cổ, các nhà khảo cổ phải dựa vào

A. những di cốt hoá thạch và công cụ đá do con người chế tạo ra.

B. những khu mộ chôn người thời xưa.

- C. những bộ di cốt và những hiện vật chôn theo.
- D. những di cốt hoá thạch hoặc những công cụ thời đồ đá cũ.

2.2. Những dấu tích của Người tối cổ đã được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam:

- A. Răng hoá thạch của Người tối cổ đã được tìm thấy ở hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).
- B. Những công cụ đá được ghè đẽo thô sơ của Người tối cổ được tìm thấy ở An Khê, Núi Đọ, Xuân Lộc, An Lộc,...
- C. Di chỉ An Khê (Gia Lai) có niên đại 80 vạn năm cách ngày nay là dấu tích cổ xưa nhất của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.
- D. Di cốt và công cụ của Người tối cổ được tìm thấy trong các di chỉ Phùng Nguyên, Đồng Đậu và Gò Mun ở miền Bắc Việt Nam.

3. Hãy điền những từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong các câu sau.

Di cốt của Vượn người sống cách ngày nay khoảng (1) năm đã được tìm thấy ở Mi-an-ma và In-đô-nê-xi-a.

Trên đảo (2) thuộc In-đô-nê-xi-a, đã tìm thấy di cốt Người tối cổ sống cách ngày nay khoảng (3)

Di cốt, (4) của Người tối cổ còn được tìm thấy ở Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

Chiếc sọ Người (5) tìm thấy ở hang Ni-a (Ma-lai-xi-a) có niên đại cách ngày nay khoảng (6)

B Tự luận

1. Dựa vào hình 1 (trang 17, SGK), em hãy miêu tả hình dáng của Người tối cổ và nói rõ hình dáng Người tối cổ giống Vượn người và Người tinh khôn ở những điểm nào?
2. Dựa vào Lược đồ hình 2 (trang 18, SGK), em có nhận xét gì về sự phân bố những dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á?
3. Tìm hiểu nội dung và hình ảnh từ sách, báo và internet để viết bài giới thiệu về quá trình phát triển của người nguyên thủy ở nước ta.

A Trắc nghiệm**1. Hãy xác định phương án đúng.**

1.1. Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

- A. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc, bộ lạc.
- B. Bầy người nguyên thủy, Người tinh khôn.
- C. Bầy người nguyên thủy, Người tối cổ.
- D. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc.

1.2. Trong giai đoạn công xã thị tộc, người nguyên thủy đã biết

- A. ghè đẽo đá thô sơ để làm công cụ lao động.
- B. chế tác công cụ lao động bằng kim loại.
- C. chọn những hòn đá vừa tay cầm để làm công cụ.
- D. mài đá thành công cụ lao động sắc bén.

1.3. Tổ chức xã hội của Người tinh khôn là

- A. sống thành từng bầy, khoảng vài chục người trong các hang động, mái đá.
- B. sống quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ.
- C. sống thành từng gia đình riêng lẻ, gồm vợ, chồng và con cái.
- D. sống thành từng bầy riêng lẻ, lang thang trong rừng rậm.

1.4. Kỹ thuật chế tác đá giai đoạn Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn ở Núi Đọ?

- A. Biết ghè đẽo những hòn đá cuội ven suối để làm công cụ.
- B. Biết ghè đẽo, sau đó mài cho phần lưỡi sắc, nhọn hơn.
- C. Biết sử dụng các hòn cuội có sẵn ở ven sông, suối làm công cụ.
- D. Biết ghè đẽo, sau đó mài toàn bộ phần thân và phần lưỡi công cụ.

1.5. Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là

- A. làng bản.
- B. thị tộc.
- C. bầy người
- D. bộ lạc.

1.6. Công xã thị tộc được hình thành từ khi nào?

- A. Từ khi Người tối cổ xuất hiện.
- B. Từ khi Người tinh khôn xuất hiện.
- C. Từ chặng đường đầu với sự tồn tại của một loài Vượn người.
- D. Từ khi nhà nước ra đời ven các con sông lớn.

1.7. Ý **không** phản ánh đúng khái niệm bộ lạc là

- A. gồm nhiều thị tộc sống cạnh nhau.
- B. có quan hệ họ hàng với nhau.
- C. có quan hệ gắn bó với nhau.
- D. một nhóm người, sống thành từng bầy, có người đứng đầu và phân công lao động.

1.8. Việc phát hiện ra công cụ và đồ trang sức trong các mộ táng đã chứng tỏ điều gì?

- A. Công cụ lao động và đồ trang sức làm ra ngày càng nhiều.
- B. Quan niệm về đời sống tín ngưỡng xuất hiện.
- C. Đã có sự phân chia tài sản giữa các thành viên trong gia đình.
- D. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy đã có sự phát triển.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Người tối cổ sống thành từng bầy, khoảng vài chục người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam – nữ và cùng chăm sóc con cái.
- B. Người tinh khôn biết ghè đẽo đá làm công cụ; họ sống trong hang động và dựa vào săn bắt, hái lượm.
- C. Người tinh khôn sống quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung.
- D. Cư dân thuộc văn hoá Hoà Bình bước đầu đã biết làm nông nghiệp.
- E. Công cụ lao động của người nguyên thủy chỉ duy nhất là bằng đá.
- G. Nghề làm gốm của cư dân Quỳnh Văn phát triển với hoa văn phong phú.
- H. Thị tộc là tổ chức xã hội gồm nhiều bộ lạc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng và gắn bó với nhau.

3. Hãy ghép nội dung ở cột bên trái với cột bên phải cho phù hợp với đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất Việt Nam.

1. Đời sống vật chất 2. Tổ chức xã hội 3. Đời sống tinh thần	a. Biết mài đá, tạo ra nhiều loại công cụ khác nhau như rìu, bôn, chày, cuốc đá,... b. Biết dùng tre, gỗ, xương, sừng để làm mũi tên, mũi lao. c. Biết mài thùng vỏ ốc để xuyên dây làm vòng đeo cổ. d. Biết vẽ trên vách hang, chôn người chết cùng với công cụ lao động. e. Sống quần tụ trong các thị tộc, định cư lâu dài ở một nơi. g. Biết dựng các túp lều bằng cành cây, lợp lá hoặc cỏ khô. h. Biết làm đồ gốm với hoa văn phong phú, đa dạng.
--	---

4. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: *biết làm nhiều đồ trang sức, chế độ công xã thị tộc, bước đầu biết làm nông nghiệp, nhờ có lao động* để điền vào chỗ trống (...) trong các câu sau.

Những vỏ ốc được xuyên lỗ, những vòng tay đá, hạt chuỗi bằng đất nung được tìm thấy trong các di chỉ, chứng tỏ người nguyên thủy đã (1)

Trong các hang động thuộc văn hoá Hoà Bình đã tìm thấy dấu vết của các loại cây ăn quả, rau, đậu, chứng tỏ cư dân ở đây đã (2)

(3) gồm 2, 3 thế hệ sống quần tụ, có cùng dòng máu, làm chung, hưởng chung.

(4), đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại.

B Tự luận

1. Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Hãy nêu những đặc điểm chính của mỗi giai đoạn đó.
2. Hãy hoàn thành bảng dưới đây về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.

Đời sống vật chất	
Tổ chức xã hội	
Đời sống tinh thần	

3. Việc người nguyên thuỷ biết trồng trọt và chăn nuôi có ý nghĩa như thế nào?

Bài 6

SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.
 - 1.1. Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?
 - A. Thiên niên kỉ II TCN.
 - B. Thiên niên kỉ III TCN.
 - C. Thiên niên kỉ IV TCN.
 - D. Thiên niên kỉ V TCN.
 - 1.2. Kim loại đầu tiên mà người Tây Á và Ai Cập phát hiện ra là
 - A. đồng thau.
 - B. đồng đỏ.
 - C. sắt.
 - D. nhôm.

1.3. *Cư dân ở Bắc Bộ Việt Nam biết tới đồ đồng từ khi nào?*

- A. 2 000 năm trước.
- B. 3 000 năm trước.
- C. 4 000 năm trước.
- D. 1 000 năm trước.

1.4. *Quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy ở Bắc Bộ Việt Nam đã trải qua các nền văn hoá khảo cổ nào*

- A. Phùng Nguyên, Đồng Nai, Sa Huỳnh.
- B. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.
- C. Sa Huỳnh, Đồng Đậu, Gò Mun.
- D. Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Gò Mun.

2. **Hãy xác định các ý trả lời sau đây đúng hay sai.**

2.1. *Việc sử dụng công cụ bằng kim loại đã có tác dụng như thế nào?*

- A. Giúp con người khai phá đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt.
- B. Giúp thúc đẩy năng suất lao động, tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội.
- C. Làm xuất hiện của cải dư thừa, dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.
- D. Dẫn tới sự tan rã của bầy người nguyên thủy và hình thành công xã thị tộc.
- E. Dẫn tới sự tan rã của xã hội nguyên thủy và hình thành xã hội có giai cấp.

2.2. *Việc sử dụng công cụ bằng kim loại đã giúp cho người nguyên thủy ở Việt Nam*

- A. mở rộng địa bàn cư trú, rời khỏi vùng trung du, chuyển xuống các vùng đồng bằng ven sông.
- B. biết dùng cày có lưỡi bằng đồng để cày ruộng, dùng lưỡi hái để gặt.
- C. sống định cư lâu dài ở ven các con sông lớn, tạo thành những khu vực tập trung dân cư, chuẩn bị cho sự ra đời của các quốc gia sơ kì đầu tiên.
- D. hợp sức để đánh thắng quân Tần xâm lược, lập ra Nhà nước Âu Lạc.

3. Hãy ghép nội dung cột bên trái với cột bên phải sao cho phù hợp.

1. Văn hoá
Phùng Nguyên

2. Văn hoá
Đồng Đậu

3. Văn hoá
Gò Mun

4. Văn hoá
Sa Huỳnh

5. Văn hoá
Đồng Nai

a. Niên đại khoảng 1 000 năm TCN; phân bố ở khu vực Nam Bộ; hiện vật tìm thấy gồm: rìu, giáo, lao có ngạnh, mũi lao, lưỡi câu bằng đồng,...

b. Có niên đại khoảng 2 000 năm TCN; phân bố ở vùng Bắc Bộ; hiện vật tìm thấy chủ yếu là: mẫu xỉ đồng, mảnh vòng, đoạn dây chì,...

c. Có niên đại khoảng 1 500 năm TCN; phân bố ở Bắc Bộ; hiện vật tìm thấy bằng đồng khá phổ biến, gồm: đục, dùi, cán dao, mũi tên, lưỡi câu,...

d. Có niên đại khoảng 1 000 năm TCN; phân bố ở Bắc Bộ; hiện vật đồng chiếm hơn 50% hiện vật tìm được, gồm: vũ khí (mũi tên, dao, giáo,...), lưỡi câu, dùi, rìu, đục,...

e. Có niên đại khoảng 1 500 năm TCN; phân bố ở khu vực Trung Bộ; hiện vật tìm thấy chủ yếu gồm: đục, lao, mũi tên, lưỡi câu,... bằng đồng.

4. Hãy điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong các câu sau.

Khoảng (1) năm TCN, con người đã phát hiện ra kim loại và dùng kim loại để chế tạo công cụ.

Nhờ có công cụ bằng kim loại, người ta làm ra không chỉ đủ ăn mà còn có của (2)

Một số người lợi dụng chức phận để (3) của dư thừa.

Xã hội nguyên thủy dần tan rã, nhường chỗ cho xã hội có (4) xuất hiện.

B Tự luận

1. Quan sát hình 4 (trang 26, SGK), em hãy cho biết: Có những loại hình công cụ, vũ khí nào được tìm thấy thuộc văn hoá Gò Mun? Những loại hình công cụ đó gợi cho em biết điều gì về đời sống kinh tế của người nguyên thủy?
2. Việc phát minh ra kim loại có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống kinh tế và xã hội của người nguyên thủy?
3. Vì sao việc phát hiện và sử dụng các công cụ bằng kim loại lại dẫn tới sự hình thành các gia đình phụ hệ? Các gia đình phụ hệ có ý nghĩa như thế nào đối với sự tan rã của xã hội nguyên thủy?
4. Việc định cư lâu dài và hình thành các khu dân cư tập trung ven các con sông lớn có những điều kiện thuận lợi gì đối với sự hình thành các quốc gia sơ kì trên đất nước Việt Nam?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7

AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Loại chữ viết đầu tiên của loài người là

- A. chữ tượng hình.
- B. chữ tượng ý.
- C. chữ giáp cốt.
- D. chữ triện.

1.2. Điều kiện tự nhiên nào dưới đây **không** phải là cơ sở hình thành các quốc gia ở Ai Cập và Lương Hà cổ đại?

- A. Có nhiều con sông lớn.
- B. Đất phù sa màu mỡ, tươi xốp, dễ canh tác với nhiều đồng bằng rộng lớn.
- C. Lượng mưa phân bố đều đặn theo mùa.
- D. Vùng ven biển có nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.

1.3. Ai Cập cổ đại được hình thành ở lưu vực

- A. sông Nin.
- B. sông Hằng.
- C. sông Ấn.
- D. sông Dương Tử.

1.4. Đứng đầu giai cấp thống trị ở Ai Cập cổ đại là

- A. vua chuyên chế (pha-ra-ông).
- B. đồng đảo quý tộc quan lại.
- C. chủ ruộng đất.
- D. tầng lớp tăng lữ.

1.5. Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?

- A. Do có điều kiện thuận lợi cho con người sinh sống và sản xuất.
- B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.
- C. Đây vốn là địa bàn cư trú của người nguyên thủy.
- D. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động buôn bán.

1.6. Ở Ai Cập cổ đại, cư dân sinh sống tập trung theo từng

- A. thị tộc.
- B. bộ lạc.
- C. công xã.
- D. nôm.

1.7. Việc hình thành nhà nước ở lưu vực các dòng sông lớn đã tạo ra khó khăn cơ bản gì cho cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại?

- A. Tình trạng hạn hán kéo dài.
- B. Sự chia cắt về lãnh thổ.
- C. Sự tranh chấp giữa các nôm.
- D. Tình trạng lũ lụt vào mùa mưa hằng năm.

2. Hãy xác định các ý trả lời sau đây đúng hay sai.

2.1. Hình 4 (trang 31, SGK) cho em biết điều gì về nền sản xuất của người Ai Cập cổ đại?

- A. Đó là nền nông nghiệp dùng cày.
- B. Ai Cập phát triển nông nghiệp trồng lúa nước.
- C. Một số loại cây trồng chính của người Ai Cập.
- D. Nam giới đảm nhiệm những công việc nặng nhọc, phụ nữ làm những công việc nhẹ nhàng hơn.
- E. Xã hội đã phân hoá sâu sắc.

2.2. Hình 5 (trang 32, SGK) cho em biết điều gì về người Lưỡng Hà cổ đại?

- A. Họ đã phát minh ra bánh xe.
- B. Họ đã sử dụng bánh xe.
- C. Họ đã có chữ viết của riêng mình (chữ tượng hình).
- D. Xã hội đã phân hoá thành các tầng lớp khác nhau.
- E. Đây là một cuộc đua ngựa của người Lưỡng Hà.
- G. Trình độ điêu khắc của người Lưỡng Hà rất điêu luyện.

3. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: II TCN, lưu vực Lưỡng Hà, 3 200TCN, Ai Cập cổ đại, sông Hằng, IV TCN để điền vào chỗ trống (...) cho phù hợp về nội dung lịch sử.

A. Ở lưu vực dòng sông Nin đã hình thành Nhà nước (1) vào khoảng (2)

B. Khoảng thiên niên kỉ (3), ở (4) (sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát) đã hình thành hàng chục nước nhỏ của người Xu-me.

B Tự luận

1. Vì sao nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà sớm được hình thành trên lưu vực những dòng sông lớn?
2. Vì sao nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của các quốc gia Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại?
3. Quan sát hình 4 (trang 31, SGK), hãy miêu tả cảnh làm ruộng của người Ai Cập cổ đại theo ý hiểu của em.
4. Hãy liệt kê theo mẫu dưới đây những thành tựu về văn hoá mà cư dân ở Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại đạt được.

	Chữ viết	Lịch	Khoa học	Kiến trúc
Ai Cập				
Lưỡng Hà				

5. Hãy kể tên một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ chính phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. Em ấn tượng với phát minh nào nhất? Vì sao?

Bài 8

ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.
 - 1.1. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là
 - A. Hoàng Hà và Trường Giang.
 - B. sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát.
 - C. sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.
 - D. sông Ấn và sông Hằng.

1.2. Tên gọi Ấn Độ bắt nguồn từ

- A. tên một ngọn núi.
- B. tên một con sông.
- C. tên một tộc người.
- D. tên một sử thi.

1.3. Ở Ấn Độ, những thành thị đầu tiên xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- A. 1 000 năm TCN
- B. 1 500 năm TCN
- C. 2 000 năm TCN
- D. 2 500 năm TCN

1.4. Những thành thị đầu tiên của người Ấn được xây dựng ở

- A. lưu vực sông Ấn.
- B. lưu vực sông Hằng.
- C. miền Đông Bắc Ấn.
- D. miền Nam Ấn.

1.5. Văn hoá Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở đâu?

- A. Trung Quốc.
- B. Các nước Ả Rập.
- C. Các nước Đông Nam Á.
- D. Việt Nam.

1.6. Từ rất sớm, người Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là

- A. chữ Nho.
- B. chữ Phạn.
- C. chữ tượng hình.
- D. chữ Hin-đu.

2. Hãy ghép ô chữ bên trái với ô chữ bên phải sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

1. Bra-man

a. Vương công – vũ sĩ

2. Ksa-tri-a

b. Người bình dân

3. Su-đra

c. Người có địa vị thấp kém

4. Vai-si-a

d. Tăng lữ – quý tộc

3. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: Đạo Vệ-đa, Đạo Bà La Môn, Đạo Phật, Ấn Độ giáo, A-sô-ca, Thích Ca Mâu Ni để điền vào chỗ (...) trong các câu sau.

Những thế kỉ đầu Công nguyên, (1) cải biến thành đạo Hin-đu.

Khoảng thế kỉ VI TCN, (2) được hình thành, người sáng lập là

(3)

B Tự luận

1. Hoàn thành bảng thống kê sau về những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Ấn Độ cổ đại.

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	
Văn học	
Nghệ thuật	
Khoa học tự nhiên	

2. Từ kết quả của bài tập 2 (phần A. Trắc nghiệm), hãy mô tả nét chính về sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại.
3. Đọc hai đoạn tư liệu dưới đây, hãy cho biết quan điểm của đạo Phật (1) có mâu thuẫn với quan điểm phân biệt đẳng cấp của đạo Bà La Môn (2) không? Vì sao?

1. Không thể có đẳng cấp giữa những con người có cùng dòng máu đỏ như nhau, cũng không thể có đẳng cấp giữa những con người có cùng vị nước mắt mặn như nhau.

2. Giết một con mèo, một con cá, một con chim, một con nhái, một con chó, một con cá sấu, một con chim cú hay một con quạ cũng bị phạt như giết một người Su-đra.

4. Tại sao nói: Ấn Độ là đất nước của các tôn giáo và các bộ sử thi?
5. Hãy chỉ ra một số thành tựu văn hoá của người Ấn Độ cổ đại vẫn còn sử dụng đến ngày nay. Hãy nhận xét (viết khoảng 5 câu) về một thành tựu mà em ấn tượng nhất.

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Nhà nước đầu tiên của người Trung Quốc xuất hiện ở

- A. đồng bằng Hoa Bắc.
- B. đồng bằng Hoa Nam.
- C. lưu vực Trường Giang.
- D. lưu vực Hoàng Hà.

1.2. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?

- A. Nhà Thương.
- B. Nhà Chu.
- C. Nhà Tần.
- D. Nhà Hán.

1.3. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy, được gọi là

- A. nông dân tự canh.
- B. nông dân lĩnh canh.
- C. nông dân làm thuê.
- D. nông nô.

1.4. Khi nhận ruộng, nông dân phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ, gọi là

- A. thuế.
- B. cống phẩm.
- C. tô lao dịch.
- D. địa tô.

1.5. Ý nào **không** đúng về các thành phần xã hội dưới thời Tần?

- A. Địa chủ.
- B. Nông dân tự canh.
- C. Nông dân lĩnh canh.
- D. Lãnh chúa.

1.6. Công trình phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là

- A. Vạn Lý Trường Thành.
- B. Ngọ Môn.
- C. Tử Cấm Thành.
- D. Luỹ Trường Dục.

1.7. Triều đại nào ở Trung Quốc đã ban hành chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất lần đầu tiên trên cả nước?

- A. Nhà Tùy.
- B. Nhà Hán.
- C. Nhà Đường.
- D. Nhà Tần.

1.8. Các quốc gia cổ đại phương Đông tiêu biểu được hình thành ở

- A.** Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, Việt Nam.
- B.** Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ.
- C.** Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp, La Mã.
- D.** Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, La Mã.

1.9. Hãy sắp xếp các quốc gia sau theo trình tự thời gian xuất hiện: 1. Trung Quốc, 2. Ai Cập, 3. Ấn Độ, 4. Lưỡng Hà.

- A.** 1, 2, 4, 3.
- B.** 2, 4, 3, 1.
- C.** 2, 4, 1, 3.
- D.** 2, 3, 4, 1.

2. Hãy ghép cột A với cột B sao cho phù hợp với nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Lưỡng Hà	a. Hoàng đế
2. Ai Cập	b. Pha-ra-ông
3. Trung Quốc	c. En-xi

3. Hãy điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong các câu sau.

- A.** Các quốc gia cổ đại phương Đông đầu tiên đã được hình thành ở (1)
.....
- B.** Các quốc gia cổ đại phương Đông đã được hình thành từ cuối (2)
đến đầu (3) TCN.
- C.** Bộ phận đông đảo nhất và có vai trò to lớn trong sản xuất ở phương Đông cổ đại là (4)
Họ nhận ruộng đất (5) để cày cấy, phải nộp một phần hoa lợi và (6) không công cho (7)

4. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: *nông dân lĩnh canh (tá điền); quan lại, nông dân giàu có; địa tô; nhận ruộng; cày cấy; phong kiến* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau.

Khi những công cụ bằng sắt xuất hiện, xã hội Trung Quốc có sự biến đổi. Có hai giai cấp chính: giai cấp địa chủ gồm (1) chiếm nhiều ruộng đất, lại có quyền lực. Ngược lại, những nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo

túng, phải (2) của địa chủ để (3) gọi là (4)
 Họ phải nộp cho địa chủ một phần hoa lợi gọi là (5) Quan hệ sản
 xuất (6) hình thành.

B Tự luận

1. Sau khi thống nhất, Tần Thủy Hoàng đã cai trị đất nước như thế nào?
2. Xã hội phong kiến Trung Quốc được hình thành như thế nào?
3. Em hãy lập bảng tóm tắt những thành tựu văn hoá, khoa học – kĩ thuật của Trung Quốc đến thế kỉ VII theo mẫu sau.

Lĩnh vực	Thành tựu
Tư tưởng	
Chữ viết – văn học	
Lịch	
Sử học	
Nghệ thuật	
Khoa học – kĩ thuật	

4. Sơ đồ sự phân hoá xã hội dưới thời nhà Tần (hình 4, trang 41, SGK) cho em biết điều gì về xã hội Trung Quốc dưới thời Tần.
5. Theo em, thành tựu nào của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII đã được truyền bá hoặc ảnh hưởng tới Việt Nam đến tận ngày nay.

Bài 10 HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.
 - 1.1. Các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã được hình thành ở đâu?
 - A. Trên lưu vực các dòng sông lớn.
 - B. Ở vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo.

C. Trên các đồng bằng.

D. Trên các cao nguyên.

1.2. Điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại Hy Lạp, La Mã tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế nào?

A. Nông nghiệp.

B. Thủ công nghiệp.

C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.

D. Chăn nuôi gia súc.

1.3. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?

A. Nông nghiệp trồng lúa.

B. Thủ công nghiệp.

C. Nông nghiệp trồng cây lâu năm.

D. Thương nghiệp đường biển.

1.4. Điểm khác về điều kiện tự nhiên của La Mã so với Hy Lạp cổ đại là gì?

A. Có nhiều vũng, vịnh kín gió.

B. Có nguồn khoáng sản phong phú.

C. Lãnh thổ trải rộng ra cả ba châu lục.

D. Nền kinh tế đại diện trưng phát triển.

1.5. Phần quan trọng nhất của mỗi thành bang ở Hy Lạp cổ đại là

A. vùng đất trồng trọt.

B. nhà thờ.

C. phố xá.

D. bến cảng.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

A. Người Hy Lạp và La Mã sáng tạo ra chữ tượng hình.

B. Người Hy Lạp cổ đại tiếp thu nhiều thành tựu văn hoá của các cư dân phương Đông cổ đại.

C. Tất cả những công trình kiến trúc ở Hy Lạp và La Mã đều không để lại dấu vết đến ngày nay.

- D. Từ một thành bang nhỏ bé ban đầu, Hy Lạp dần trở thành đế chế có lãnh thổ rộng lớn.
- E. Cả Hy Lạp và La Mã đều có nhiều loại khoáng sản, thuận lợi cho thủ công nghiệp phát triển.

3. Hãy ghép ô chữ hai bên (trái, phải) với ô chữ ở giữa sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

1. Nhà nước thành bang	a. Đại hội nhân dân bầu ra	2. Nhà nước đế chế
	b. Do hoàng đế đứng đầu	
	c. Công dân nam từ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử	
	d. Viện Nguyên lão	

4. Hãy ghép nhân vật lịch sử với lĩnh vực khoa học mà họ có nhiều cống hiến.

Lĩnh vực khoa học	Nhân vật lịch sử
1. Văn học	a. Pi-ta-go
2. Sử học	b. A-ri-xtốt
3. Khoa học tự nhiên	c. Hô-me
4. Triết học	d. Ta-lét
	e. Ác-si-mét
	g. Hê-rô-đốt
	h. Pla-tông
	i. Tuy-xi-dít

B Tự luận

1. Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự hình thành và phát triển của nền văn minh ở đây?
2. Em hãy điền những nội dung thích hợp vào bảng theo mẫu sau để so sánh những điểm giống và khác nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

	Hy Lạp cổ đại	La Mã cổ đại
Giống nhau		
Khác nhau		

3. Vì sao thủ công nghiệp và thương nghiệp là nền tảng kinh tế chính của các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã?
4. Tổ chức nhà nước ở Hy Lạp và La Mã cổ đại có điểm gì khác nhau?
5. Theo em, những thành tựu nào của văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại còn được bảo tồn và sử dụng đến ngày nay?

Bài 11**CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á****A TRẮC NGHIỆM**

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Vì sao khu vực Đông Nam Á có vị trí địa lí rất quan trọng?

- A. Nằm giáp Trung Quốc.
- B. Nằm giáp Ấn Độ.
- C. Tiếp giáp với khu vực châu Á gió mùa.
- D. Nằm trên con đường biển nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

1.2. Khu vực Đông Nam Á được coi là

- A. cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ.
- B. "ngã tư đường" của thế giới.
- C. "cái nôi" của thế giới.
- D. trung tâm của thế giới.

1.3. Đông Nam Á là quê hương của loại cây trồng nào?

- A. Cây lúa.
- B. Cây lúa nước.
- C. Cây gia vị.
- D. Các cây lương thực và gia vị.

1.4. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng cơ sở hình thành của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á?

- A. Nông nghiệp trồng lúa nước.
- B. Giao lưu kinh tế – văn hoá với Trung Quốc và Ấn Độ.
- C. Thương mại đường biển rất phát triển.
- D. Thủ công nghiệp phát triển với các nghề rèn sắt, đúc đồng,...

1.5. Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á ra đời vào khoảng thời gian nào?

- A.** Thiên niên kỉ II TCN.
- B.** Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.
- C.** Thế kỉ VII TCN.
- D.** Thế kỉ X TCN.

1.6. Đoạn tư liệu trong SGK (trang 52) chứng tỏ điều gì về tình hình kinh tế các quốc gia sơ kì trong khu vực?

- A.** Đã có sự giao lưu buôn bán với nhiều nước khác.
- B.** Có mối quan hệ buôn bán với Trung Quốc.
- C.** Có mối quan hệ buôn bán với Ấn Độ.
- D.** Giao lưu buôn bán giữa các nước trong khu vực khá phát triển.

1.7. Theo em, nét tương đồng về kinh tế của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á so với Hy Lạp và La Mã cổ đại là gì?

- A.** Kinh tế nông nghiệp phát triển.
- B.** Các nghề thủ công đúc đồng, rèn sắt giữ vị trí rất quan trọng.
- C.** Thương mại đường biển thông qua các hải cảng.
- D.** Kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp giữ vai trò chủ đạo.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A.** Đông Nam Á là cái nôi của nền văn minh lúa nước.
- B.** Vị trí địa lí của Đông Nam Á không thuận lợi cho việc buôn bán bằng đường biển.
- C.** Sự ra đời của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á gắn liền với các hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá với Trung Quốc, Ấn Độ.
- D.** Đông Nam Á thời cổ đã có những hải cảng sầm uất như Ốc Eo (Việt Nam), Ta-cô-la (Thái Lan).

3. Trong các ý sau đây, ý nào nói về sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên?

3.1. Cư dân Đông Nam Á phát triển một số nghề thủ công truyền thống: đúc đồng, rèn sắt, dệt, làm gốm,...

- 3.2. Ở Ma-lai-xi-a đã phát hiện được những chiếc cột đá có khắc chữ Phạn cổ.
- 3.3. Đến thế kỉ VII, lần lượt xuất hiện một số quốc gia sơ kì như Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam,...
- 3.4. Ở Thái Lan đã phát hiện một số đền đồng kiểu La Mã.
- 3.5. Một số hải cảng sầm uất như Ốc Eo, Ta-cô-la,...
- 3.6. Tiền vàng La Mã được phát hiện tại di chỉ Ốc Eo.
- 3.7. Đông Nam Á là “cái nôi” của văn minh lúa nước.

B TỰ LUẬN

1. Dựa vào Lược đồ hình 1 (trang 52, SGK), hãy lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp.

TT	Tên quốc gia sơ kì	Tên quốc gia hiện nay
1	Văn Lang – Âu Lạc	Việt Nam
...		
...		

2. Vị trí địa lí đưa đến những thuận lợi gì cho sự phát triển kinh tế ở các quốc gia Đông Nam Á?
3. Hình 2, 3 (trang 53, SGK) chứng tỏ điều gì về giao lưu kinh tế của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á?
4. Em hãy sưu tầm những câu thành ngữ, tục ngữ của Việt Nam liên quan đến lúa gạo.
5. Nếu chọn hai thành tựu nổi bật nhất của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á, em sẽ lựa chọn những thành tựu nào? Vì sao?

Bài 12

SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X)

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Các vương quốc phong kiến ở khu vực Đông Nam Á được hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.
- B. Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.
- C. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.
- D. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII.

1.2. Ý nào sau đây **không** phù hợp để điền vào chỗ trống (...) trong câu sau: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã phát huy những lợi thế để phát triển kinh tế, đó là.....

- A. vị trí địa lí thuận lợi.
- B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- C. khí hậu ôn đới, thuận lợi cho các cây trồng lâu năm phát triển.
- D. điểm đến hấp dẫn của thương nhân các nước Ả Rập, Hy Lạp, La Mã.

1.3. Quốc gia phong kiến nào ở Đông Nam Á phát triển mạnh về hoạt động buôn bán đường biển?

- A. Chân Lạp.
- B. Pa-gan.
- C. Cam-pu-chia.
- D. Sri Vi-giay-a.

1.4. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Nền kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á bị phụ thuộc nặng nề vào việc giao lưu với bên ngoài.
- B. Giao lưu thương mại với nước ngoài thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á.

- C. Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á chỉ giao lưu buôn bán với thương nhân Ấn Độ.
- D. Các thương cảng nổi tiếng thời trung đại ở Đông Nam Á đều thuộc các quốc gia Đông Nam Á hải đảo.

1.5. Nguồn sản vật nổi tiếng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á là

- A. gia vị.
- B. nho.
- C. chà là.
- D. ô liu.

2. Khai thác đoạn tư liệu (trang 55, SGK), hãy xác định phương án đúng hoặc sai khi trả lời câu hỏi sau: *Thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi điều gì từ Vương quốc Sri Vi-giay-a?*

- A. Nhà vua rất thân thiện.
- B. Đất nước có nhiều cây dầu thơm (trầm hương, đinh hương, đàn hương).
- C. Đất nước có nhiều cây thuốc quý (long não, sa nhân).
- D. Đất nước có nhiều cây gia vị (đậu khấu).

3. Hãy ghép các ý ở cột A và cột B sao cho phù hợp với nội dung lịch sử.

Cột A

1. Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á

2. Kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á

3. Buôn bán bằng đường biển

4. Các mặt hàng chủ yếu trao đổi với thương nhân nước ngoài là

Cột B

a. gia vị và hương liệu.

b. phát triển trên nền tảng của các quốc gia sơ kì.

c. được hình thành từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.

d. thông qua các thương cảng sầm uất.

B TỰ LUẬN

1. Ở Đông Nam Á, trong khoảng thời gian từ thế kỉ VII đến thế kỉ X đã hình thành một số quốc gia phong kiến. Quan sát hình 1 (trang 52, SGK), em hãy hoàn thiện bảng sau.

Tên vương quốc phong kiến	Tên quốc gia ngày nay

- Nêu những biểu hiện của sự phát triển giao lưu thương mại giữa các vương quốc phong kiến Đông Nam Á với nước ngoài trong thời gian từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.
- Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á?

Bài 13

GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

- Hãy xác định phương án đúng.
 - Các tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á đã dung hợp với tôn giáo nào từ Ấn Độ và Trung Quốc?
 - Ấn Độ giáo và Thiên Chúa giáo.
 - Phật giáo và Thiên Chúa giáo.
 - Ấn Độ giáo và Phật giáo.
 - Ấn Độ giáo và Hồi giáo.
 - Chữ viết của người Chăm có nguồn gốc từ loại văn tự nào?
 - Chữ tượng hình.
 - Chữ Phạn.
 - Chữ hình nêm.
 - Chữ tượng ý.

1.3. Tác phẩm văn học nào của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng rộng khắp ở nhiều nước Đông Nam Á?

- A. Ra-ma-y-a-na.
- B. Ma-ha-bha-ra-ta.
- C. Sơ-cun-tơ-la.
- D. Vê-đa.

1.4. Đền Bô-rô-bu-đua ngày nay thuộc quốc gia nào?

- A. Việt Nam.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Thái Lan.
- D. Cam-pu-chia.

1.5. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét của tôn giáo nào?

- A. Ấn Độ giáo, Phật giáo.
- B. Phật giáo, Thiên Chúa giáo.
- C. Ấn Độ giáo, Thiên Chúa giáo.
- D. Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo.

1.6. Ý nào dưới đây **không** phải nhận định đúng về văn hoá Đông Nam Á?

- A. Các tín ngưỡng bản địa đã dung hợp với tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào khu vực như Ấn Độ giáo, Phật giáo.
- B. Các cư dân Đông Nam Á không có chữ viết riêng mà sử dụng chữ viết của người Ấn Độ, người Trung Quốc.
- C. Văn học Ấn Độ ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến văn học các nước Đông Nam Á.
- D. Kiến trúc đền – núi là kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian còn tồn tại đến ngày nay.
- B. Chữ cổ của người Ấn Độ là cơ sở tạo ra chữ viết của tất cả các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Văn học Trung Quốc có ảnh hưởng sâu đậm ở tất cả các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na là gốc của nhiều bộ sử thi của các quốc gia Đông Nam Á.

3. Hãy ghép ý ở cột A với cột B sao cho phù hợp với nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Người Việt ở Đông Nam Á	a. có ảnh hưởng đến hầu hết nền văn học các nước Đông Nam Á.
2. Bia Ăng-co Bo-rây là	b. phong tục lâu đời của các cư dân Đông Nam Á.
3. Sử thi <i>Ra-ma-y-a-na</i> của người Ấn Độ cổ đại	c. tấm bia cổ của người Khơ-me viết bằng chữ Phạn và chữ Khơ-me cổ.
4. Đền Bô-rô-bu-đua	d. được xây dựng từ thế kỉ VII đến X.
5. Thờ cúng tổ tiên là	e. kế thừa hệ thống chữ Hán của người Trung Quốc.

B TỰ LUẬN

1. Có hai nhóm học sinh tranh luận về văn hoá Đông Nam Á mà chưa phân định đúng sai.

– Nhóm A thì khẳng định rằng: Văn hoá Đông Nam Á chỉ tiếp thu những thành tựu từ văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ chứ không có sự sáng tạo gì thêm.

– Nhóm B thì khẳng định rằng: Văn hoá Đông Nam Á có nhiều giá trị riêng do các cư dân bản địa sáng tạo nên, đồng thời tiếp thu có chọn lọc một số thành tựu của văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ.

Nếu được mời làm trọng tài thì em sẽ ủng hộ ý kiến của nhóm nào? Vì sao?

- 2.** Hoàn thành bảng thống kê sau về những thành tựu văn trên các lĩnh vực chủ yếu của các quốc gia Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

Các lĩnh vực chủ yếu	Thành tựu
Chữ viết	
Văn học	
Nghệ thuật	
Tín ngưỡng, tôn giáo	

- 3.** Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đã ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á như thế nào trong những thế kỉ đầu Công nguyên?
- 4.** Hãy tìm hiểu và cho biết biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ngày nay lấy ý tưởng từ thành tựu văn minh nào của cư dân Đông Nam Á từ thời sơ kì và phong kiến.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 14

NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Khác với truyền thuyết, khoa học lịch sử đã chứng minh nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam ra đời cách ngày nay khoảng bao lâu?

A. 4 000 năm

B. 3 500 năm

C. 2 700 năm

D. 2 000 năm

1.2. Kinh đô của nhà nước Văn Lang là

A. Phong Châu (Vĩnh Phúc)

B. Phong Châu (Phú Thọ)

C. Cẩm Khê (Hà Nội)

D. Cổ Loa (Hà Nội)

1.3. Người đứng đầu các chiềng, chạ thời Hùng Vương gọi là gì?

A. Lạc hầu

B. Lạc tướng

C. Bồ chính

D. Xã trưởng

1.4. Nước Âu Lạc tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Từ thế kỉ VII TCN đến năm 179 TCN.

B. Từ năm 258 TCN đến năm 179 TCN.

C. Từ năm 208 TCN đến năm 179 TCN.

D. Từ năm 208 TCN đến năm 43.

1.5. Ý nào dưới đây **không** thể hiện đúng sự khác biệt giữa Nhà nước Âu Lạc so với Nhà nước Văn Lang?

A. Có thành trì vững chắc.

B. Quân đội mạnh, vũ khí tốt.

C. Thời gian tồn tại dài hơn.

D. Kinh đô chuyển về vùng đồng bằng.

1.6. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng thành tựu của nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ?

- A. Nghề nông trồng lúa nước là chính.
- B. Kỹ thuật luyện kim (đặc biệt đúc đồng) phát triển.
- C. Đã có chữ viết của riêng mình.
- D. Nhiều sinh hoạt cộng đồng gắn với nghề nông trồng lúa.

1.7. Hiện vật tiêu biểu cho tài năng và kỹ thuật tinh xảo trong nghề đúc đồng của người Việt cổ là

- A. các loại vũ khí bằng đồng.
- B. các loại công cụ sản xuất bằng đồng.
- C. trống đồng, thạp đồng.
- D. cả A và B.

1.8. Ý nào dưới đây thể hiện điểm khác biệt trong tổ chức bộ máy nhà nước thời An Dương Vương so với thời Hùng Vương?

- A. Vua đứng đầu nhà nước, nắm mọi quyền hành.
- B. Giúp việc cho vua có các lạc hầu, lạc tướng.
- C. Cả nước chia thành nhiều bộ, do lạc tướng đứng đầu.
- D. Nhà nước được tổ chức chặt chẽ hơn, vua có quyền hơn trong việc trị nước.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Sự phát triển của sản xuất nhu cầu chung sống, cùng làm thủy lợi và chống ngoại xâm là cơ sở cho sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.
- B. Nhà nước Văn Lang là kết quả sự hợp nhất của nhiều quốc gia nhỏ với nhau.
- C. Xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy là những phong tục lâu đời của người Việt cổ.
- D. Thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của người Việt cổ.
- E. Nhà nước Âu Lạc ra đời là sự tiếp nối thời đại Hùng Vương song có sự thay đổi về nơi định đô và phát triển hơn về sức mạnh quân sự.
- G. Những thành tựu về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc đã tạo dựng nền tảng cốt lõi của bản sắc văn hoá dân tộc.

3. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: *kẻ, chiến, chạ; cơm, rau, cá; nhà sàn; lễ hội; thuyền; gạo nếp, gạo tẻ; ngang vai, búi tóc hoặc tết kiểu đuôi sam* phù hợp để điền vào chỗ trống (...) trong đoạn sau.

Người Việt cổ chủ yếu ở (1) mái cong hay mái tròn, biết dựng nhà bằng tre, nứa, gỗ, lá,... Làng xã thời kì này gọi là các (2) thường được dựng lên ở các vùng đất ven sông, ven biển. (3) vì vậy cũng là phương tiện đi lại phổ biến.

Thức ăn chủ yếu của người Việt cổ là (4), rau, cà, cá và động vật nhuyễn thể (ốc, sò, trai trai,...).

Người Việt cổ ngày thường để kiểu tóc (5) Nam đóng khố, ở trần, đi chân đất, nữ mặc váy, mặc yếm.

B TỰ LUẬN

1. Hãy lựa chọn và nêu ra 10 từ khoá quan trọng liên quan đến thời kì Văn Lang – Âu Lạc mà em thu hoạch được.
2. Tại sao nói tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang còn đơn giản, sơ khai? Sự ra đời của nhà nước này có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử Việt Nam?
3. Có ý kiến cho rằng: “Trống đồng Đông Sơn được xem là một bộ sử thu nhỏ về đời sống của người Việt cổ”. Từ những hoa văn trên trống đồng (hình 7, 9, trang 63, 64, SGK) kết hợp với tra cứu thông tin qua sách, báo và internet, em hãy chứng minh cho nhận định trên.
4. Từ hình ảnh và thông tin dưới đây, hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của thời đại dựng nước Văn Lang – Âu Lạc.



Lễ hội đền Hùng tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng (10 – 3 âm lịch hằng năm)

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba”



Khu di tích lịch sử Cổ Loa với lễ hội truyền thống vào mùng Sáu tháng Giêng hằng năm

“Chết thì bỏ con bỏ cháu

Sống thì không bỏ ngày mùng Sáu tháng Giêng”

5. Theo em, những thành tựu nào của nền văn minh Việt cổ đầu tiên còn được bảo tồn đến ngày nay?

Bài 15

CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Địa danh nào dưới đây **không** phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Thành Luy Lâu.
- C. Thành Tống Bình.
- D. Thành Đại La.

1.2. Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

- A. Thứ sử.
- B. Thái thú.
- C. Huyện lệnh.
- D. Tiết độ sứ.

1.3. Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?

- A. Nhà Triệu.
- B. Nhà Hán.
- C. Nhà Ngô.
- D. Nhà Đường.

1.4. Ý nào dưới đây **không** thể hiện đúng chính sách cai trị về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Chiếm ruộng đất của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- B. Áp đặt chính sách tô, thuế nặng nề.
- C. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt.
- D. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng, dưới biển.

1.5. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Nghề rèn sắt.
- B. Nghề đúc đồng.
- C. Nghề làm giấy.
- D. Nghề làm gốm.

1.6. Tầng lớp nào trong xã hội sẽ đóng vai trò lãnh đạo người Việt đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Quan lại, địa chủ người Hán đã Việt hoá.
- B. Địa chủ người Việt.

- C. Nông dân làng xã.
- D. Hào trưởng bản địa.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

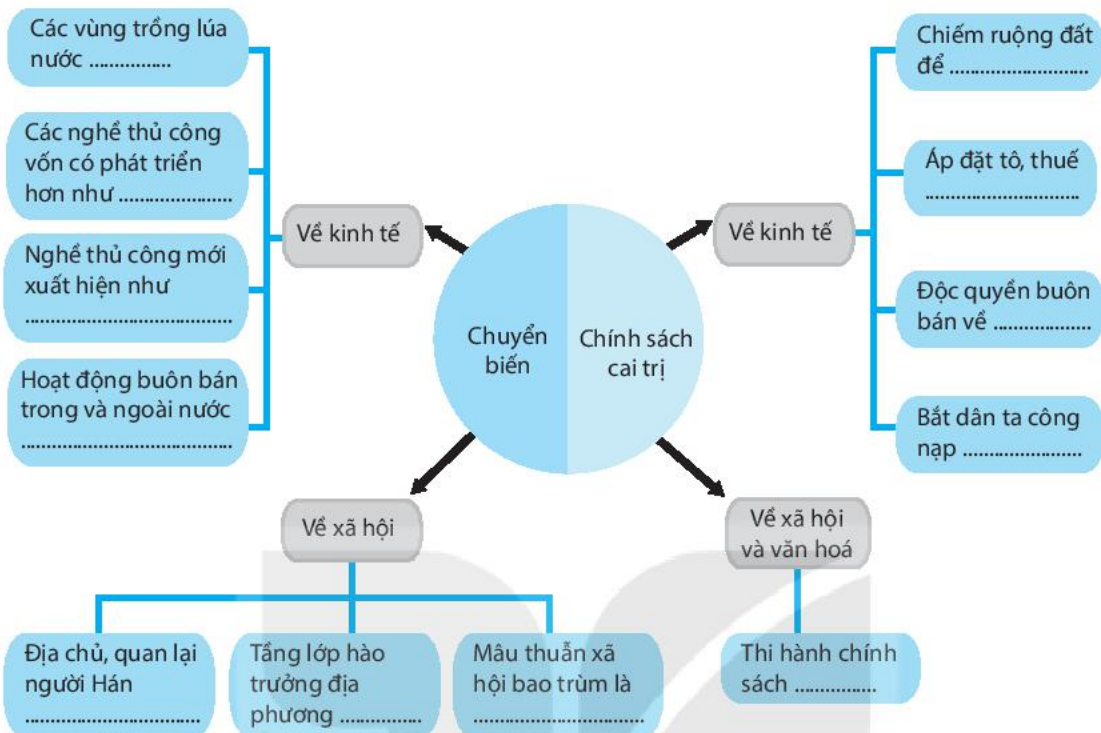
- A. Trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, mở đầu là nhà Hán, kết thúc là nhà Đường đã áp đặt ách cai trị lên đất nước ta.
- B. Phong kiến phương Bắc đã chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
- C. Trong thời kì Bắc thuộc, trồng lúa vẫn là nghề chính của nhân dân ta.
- D. Khuôn đúc đồng, gốm men, đất nung được tìm thấy ở Luy Lâu chứng tỏ các nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển trong thời kì Bắc thuộc.
- E. Thời Bắc thuộc, mâu thuẫn xã hội bao trùm là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền đô hộ phương Bắc.

3. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: *đồng hoá dân tộc, nhà Đường, tập quán, khởi nghĩa, người Hán* để điền vào chỗ trống (...) trong đoạn sau.

Các triều đại phương Bắc từ nhà Hán đến (1) đều thi hành chính sách cai trị hà khắc. Chính quyền đô hộ còn thẳng tay đàn áp các cuộc (2) của nhân dân ta. Chúng còn thực hiện chính sách (3) đưa (4) sang ở lẫn với dân Việt, tìm mọi cách xoá bỏ những (5) lâu đời của người Việt.

B Tự luận

1. Hãy trình bày tóm tắt chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc và rút ra nhận xét.
2. Em hãy hoàn thành sơ đồ tư duy thể hiện các biện pháp cai trị về kinh tế, xã hội của chính quyền đô hộ phương Bắc cùng với những chuyển biến về kinh tế – xã hội của người Việt trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc theo gợi ý sau:



3. Hãy đọc một số tư liệu khắc hoạ chân dung của các viên quan cai trị đứng đầu các chính quyền đô hộ các cấp của phong kiến phương Bắc dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau:

Thái thú Tô Định (nhà Hán): “Dùng pháp luật trói buộc... chính sự tham lam tàn bạo”, “thấy tiền thì giương mắt lên”.

Thái thú Tôn Tư (nhà Ngô): “Tham bạo, làm hại dân chúng”.

Thứ sử Tiêu Tư (nhà Lương): “Tàn bạo khắc nghiệt mất lòng dân”.

Đô hộ An Nam Lý Tượng Cổ (nhà Đường): “Tham bạo, hà khắc, mất lòng dân chúng”.

Tiết độ sứ Thái Kinh (nhà Đường): “Cai trị làm nhiều điều hà khắc thảm hại. Nhân dân khắp nơi ai cũng ta oán”.

(Theo Phan Huy Lê (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012)

3.1. Tính cách và cách thức cai trị của một số viên quan đứng đầu chính quyền đô hộ các cấp của phong kiến phương Bắc được thể hiện qua những từ/cụm từ nào trong đoạn tư liệu trên.

3.2. Từ đó chỉ ra điểm giống nhau trong cách thức cai trị của các quan viên đứng đầu chính quyền đô hộ.

Bài 16

CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Địa bàn nổ ra cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng hiện nay thuộc địa phương nào?

- A. Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- B. Huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
- C. Huyện Mê Linh, Hà Nội.
- D. Huyện Đông Anh, Hà Nội.

1.2. “Vung tay đánh cọp xem còn dễ/Đối diện Bà Vương mới khó sao” là câu nói chỉ vị anh hùng dân tộc nào?

- A. Trưng Trắc.
- B. Trưng Nhị.
- C. Bà Triệu.
- D. Lê Chân.

1.3. Sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- B. Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.
- C. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ.
- D. Khởi nghĩa của Lý Bí.

1.4. Dấu tích thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan hiện nay nằm ở đâu?

- A. Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- B. Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- C. Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- D. Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

1.5. Địa danh gắn liền với cuộc kháng chiến theo chiến thuật du kích của Triệu Quang Phục chống quân Lương là

- A. động Khuất Lão.
- B. cửa sông Tô Lịch.
- C. thành Long Biên.
- D. đầm Dạ Trạch.

1.6. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã bao vây và chiếm thành Tống Bình, tự sắp đặt được việc cai trị trong vòng bao lâu?

- A. 3 năm.
- B. 9 năm.
- C. 10 năm.
- D. Hơn 60 năm.

1.7. Nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc là

- A.** chính quyền đô hộ thực hiện chính sách lấy người Việt trị người Việt.
- B.** chính sách đồng hoá của chính quyền đô hộ gây tâm lí bất bình trong nhân dân.
- C.** chính sách áp bức bóc lột hà khắc, tàn bạo của phong kiến phương Bắc và tinh thần đấu tranh bất khuất không cam chịu làm nô lệ của nhân dân ta.
- D.** do ảnh hưởng của các phong trào nông dân ở Trung Quốc.

2. Hãy ghép ý ở cột A với cột B cho phù hợp với nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	a. Giành chính quyền, xưng hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.
2. Khởi nghĩa Bà Triệu	b. Đánh đuổi chính quyền đô hộ nhà Hán, lên ngôi vua, dựng quyền tự chủ trong 3 năm.
3. Khởi nghĩa Lý Bí	c. Chiếm phủ Tống Bình, giành quyền tự chủ trong vài năm, nhân dân tôn xưng thủ lĩnh nghĩa quân là Bố Cái Đại Vương.
4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan	d. Từ Hoan Châu tiến quân giải phóng 32 châu quanh vùng, xây thành Vạn An giành quyền tự chủ trong 10 năm.
5. Chiến thắng Phùng Hưng	e. Khởi nghĩa từ vùng núi Nưa (Cửu Chân) lan ra Giao Chỉ, khiến "toàn thể Châu Giao đều chấn động".

3. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A.** Mùa xuân năm 40, Trưng Trắc cùng với em là Trưng Nhị đã nổi dậy khởi nghĩa và giành thắng lợi.
- B.** Trưng Trắc được suy tôn làm "Lệ Hải Bà Vương", đóng đô ở Mê Linh.

- C. Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập nên nước Vạn Xuân, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội).
- D. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan không chỉ lan rộng ra phạm vi cả nước mà còn được cả nhân dân Chăm-pa, Chân Lạp hưởng ứng.
- E. Hiện nay, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội) vẫn còn đền thờ người anh hùng Phùng Hưng.

B Tự luận

1. Hãy ghi lại những địa điểm quan trọng nhất (gắn với địa danh hiện nay) của năm cuộc khởi nghĩa: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan và Phùng Hưng.
2. Tiết Tống – viên Thái thú người Hán khi được cử đến cai trị nước ta đã “phàn nàn”: “Dân xứ ấy dễ làm loạn, rất khó cai trị”. Em hãy viết từ 3 – 5 câu thể hiện ý kiến của mình về nhận định này.
3. Dựa vào những kiến thức đã học, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) để bày tỏ suy nghĩ của mình về chủ đề: “Việt Nam – một dân tộc không chịu cúi đầu”.

Bài 17

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.
 - 1.1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng chính sách đồng hoá dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc?
 - A. Đưa người Hán sang ở lẫn với người Việt; bắt người Việt theo phong tục, tập quán của người Hán.
 - B. Tìm cách xoá bỏ các tập tục lâu đời của người Việt.
 - C. Du nhập chữ Hán và tư tưởng Nho giáo vào nước ta.
 - D. Mở nhiều trường học để dạy cho người Việt.

1.2. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về sức sống của nền văn hoá bản địa thời Bắc thuộc?

- A. Người Việt vẫn bảo tồn và nói tiếng Việt.
- B. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn được duy trì.
- C. Các nghi lễ gắn với nông nghiệp như cày tịch điền vẫn được duy trì.
- D. Tục búi tóc, nhuộm răng đen, ăn trâu,... vẫn được bảo tồn.

1.3. Điểm nổi bật của tình hình văn hoá nước ta thời Bắc thuộc là gì?

- A. Văn hoá Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hoá nước ta.
- B. Nhân dân ta tiếp thu văn hoá Trung Quốc một cách triệt để.
- C. Tiếp thu văn hoá Trung Hoa để phát triển văn hoá dân tộc.
- D. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.

2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Tục ăn trâu, nhuộm răng đen đã trở thành tập quán truyền thống của người Việt.
- B. Món bánh chưng, bánh giầy truyền thống của người Việt thường được làm vào dịp lễ, tết để dâng cúng tổ tiên.
- C. Tết Hàn thực từ Trung Quốc được du nhập Việt Nam đã trở thành tết Bánh trôi, bánh chay và được tổ chức vào 5 – 5 âm lịch hằng năm.
- D. Tết Trung thu của cả Trung Quốc và Việt Nam đều là ngày Tết dành riêng cho thiếu nhi.
- E. Tư tưởng gia trưởng phụ quyền của Nho giáo được truyền bá vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc.
- G. Từ thời Bắc thuộc, xuất hiện nhiều vị cao tăng nổi tiếng của nước ta đã sang kinh đô nhà Đường để giảng kinh cho vua Đường.

B Tự luận

1. Theo em, những phong tục, tập quán nào của người Việt từ thời Bắc thuộc vẫn còn được giữ gìn, bảo lưu đến tận ngày nay?

2. Có nhận xét cho rằng, trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nền văn hoá Việt chỉ như một toà nhà thay đổi bề ngoài mà không bị thay đổi cấu trúc bên trong. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến này.
3. Đọc đoạn tư liệu sau về lời tâu của viên quan đô hộ người Hán: “Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được”. Đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì?

Bài 18 BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.
 - 1.1. Thông tin nào dưới đây **không** đúng về Khúc Thừa Dụ?
 - A. Là một hào trưởng địa phương ở Ninh Giang, Hải Dương.
 - B. Nhân cơ hội nhà Đường suy yếu đã nổi dậy đánh chiếm thành Tống Bình, lật đổ chính quyền đô hộ.
 - C. Tự xưng hoàng đế, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.
 - D. Có con trai là Khúc Hạo – người đã tiến hành cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử.
 - 1.2. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đúng về cuộc cải cách của Khúc Hạo?
 - A. Định lại mức thuế cho công bằng.
 - B. Bãi bỏ chúc Tiết độ sứ của nhà Đường.
 - C. Tha bỏ lực dịch cho dân bớt khổ.
 - D. Lập sổ hộ khẩu, khai rõ quê quán để quản lí cho thống nhất.
 - 1.3. Căn cứ làng Giàng gần với nghĩa quân của Dương Đình Nghệ nay thuộc địa phương nào?
 - A. Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
 - B. Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
 - C. Huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
 - D. Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

1.4. Thông tin nào dưới đây *không* chính xác về sông Bạch Đằng?

- A. Chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng).
- B. Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta.
- C. Lòng sông hẹp và nông, mực nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất không chênh lệch nhiều.
- D. Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy,... giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc thuận lợi.

2. Hãy lựa chọn các từ/cụm từ cho sẵn: *Quảng Đông; Tiết độ sứ; Nam Hán; Dương Đình Nghệ; Ninh Giang, Hải Dương; Hoàng Tháo; khởi nghĩa; 905* để điền vào chỗ trống (...) trong đoạn sau.

Giữa năm (1)....., một hào trưởng địa phương ở (2)..... là Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm thành Tống Bình, lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là Tiết độ sứ. Đến năm 907, con của Khúc Thừa Dụ là Khúc Hạo đã lên thay cha giữ chức (3)..... và tiến hành cải cách.

Mùa thu năm 930, quân (4)..... đánh sang nước ta. Thuộc tướng cũ của họ Khúc là (5)..... kéo quân từ Thanh Hoá ra Bắc đánh đuổi quân Nam Hán.

Năm 938, quân Nam Hán do (6)..... làm chủ tướng từ (7)..... theo đường biển ồ ạt tiến sang xâm lược nước ta.

3. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử.

- A. Khúc Thừa Dụ nổi dậy giành lại quyền tự chủ trong bối cảnh chính quyền trung ương của nhà Đường còn rất mạnh.
- B. Chủ trương của cuộc cải cách Khúc Hạo: "Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, nhân dân đều được yên vui".
- C. Nam Hán là một nước nhỏ ở Trung Quốc, cai trị vùng đất sát biên giới nước ta.
- D. Sau khi dựng trận địa cọc, Ngô Quyền cho đại quân ra đánh phủ đầu để đẩy chiến thuyền của Hoàng Tháo vào trận địa cọc.
- E. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt hoàn toàn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc.
- G. Cách đánh giặc độc đáo của Ngô Quyền là tận dụng địa hình, nhử địch vào trận địa đã bố trí sẵn, kết hợp giữa nhử địch rồi phản công và truy kích.

B Tự luận

1. Em hãy hoàn thành bảng sau những nội dung phù hợp về các vị anh hùng dân tộc.

Anh hùng dân tộc	Khúc Thừa Dụ	Dương Đình Nghệ	Ngô Quyền
Xuất thân từ thành phần nào?			
Mốc thời gian liên quan đến nhân vật cần nhớ?			
Có công lao đặc biệt gì?			
Hiện có đền thờ ở đâu?			

2. Dựa vào kết quả của bài tập 1, em hãy:

2.1. Chọn một nhân vật mà em ấn tượng nhất và trình bày suy nghĩ của mình về vai trò, vị trí của nhân vật đó.

2.2. Giải thích tại sao đầu thế kỉ X được coi là một bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc?

3. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên đánh giá về vai trò Ngô Quyền trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938: “Mưu cũng giỏi mà đánh cũng giỏi”. Dựa trên kiến thức đã học và nhận thức của mình, em hãy viết một đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) chứng minh cho ý kiến trên.

Bài 19

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở địa bàn nào?

- A. Dải đất ven biển miền Trung nước ta.
- B. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta.
- C. Vùng ven biển miền Trung nước ta, từ phía Nam dãy Hoàng Sơn đến tỉnh Bình Định ngày nay.
- D. Các tỉnh miền Trung nước ta, từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.

1.2. Vương quốc Chăm-pa được hình thành vào thời gian nào?

- A. Đầu Công nguyên.
- B. Thế kỉ VII TCN.
- C. Cuối thế kỉ II TCN.
- D. Cuối thế kỉ II.

1.3. Hiện nay ở nước ta có công trình văn hoá Chăm nào đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới?

- A. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).
- B. Tháp Chăm (Phan Rang).
- C. Cố đô Huế.
- D. Tháp Hoà Lai (Ninh Thuận).

2. Hãy ghép ô ở giữa với các ô hai bên sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

1. Trước thế kỉ VIII

a. In-đra-pu-ra

d. Trà Kiệu – Quảng Nam

2. Thế kỉ VIII

b. Sin-ha-pu-ra

e. Đồng Dương – Quảng Nam

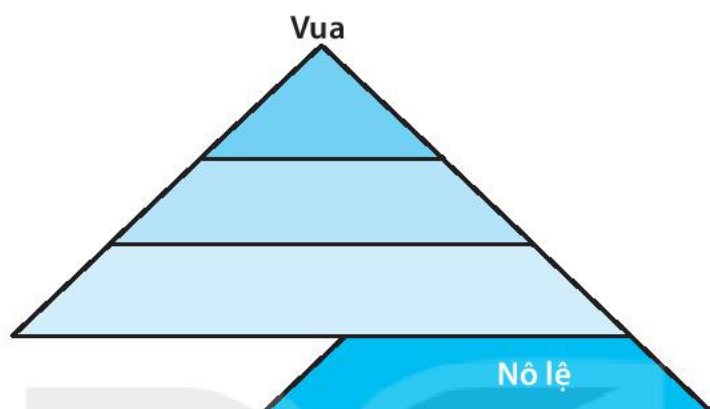
3. Thế kỉ IX

c. Vi-ra-pu-ra

g. Phan Rang – Ninh Thuận

B Tự luận

1. Hãy hoàn thiện sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm-pa và nêu nhận xét.



2. Hoàn thiện bảng tóm tắt sau về những nét chính trong hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội của Chăm-pa.

Hoạt động kinh tế của Chăm-pa	Tổ chức xã hội của Chăm-pa

3. Kể tên một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Chăm trong hơn 8 thế kỉ đầu Công nguyên và cho biết thành tựu nào còn được bảo tồn đến ngày nay.

Thành tựu	Thành tựu còn được bảo tồn đến ngày nay

4. Liên hệ với kiến thức đã học ở những bài trước, em hãy so sánh những điểm giống và khác nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang – Âu Lạc theo bảng sau.

So sánh	Chăm-pa	Văn Lang - Âu Lạc
Giống nhau		
Khác nhau		

5. Quan sát hình 1 (trang 86, SGK), em có nhận xét gì về trình độ kĩ thuật, mỹ thuật cũng như đời sống văn hoá của cư dân Chăm-pa?

Nhận xét:

- Trình độ kĩ – mỹ thuật:
- Đời sống văn hoá:

6. Ghi chép trong đoạn tư liệu dưới đây cho em biết điều gì về các hoạt động buôn bán trên biển của người Chăm xưa?

Thư tịch cổ Ả Rập ghi chép về cảng thị Cù Lao Chàm: Tàu từ Hai (Ấn Độ) đến San (Chăm-pa)... Ở đây có nước ngọt và trầm hương... Họ dùng lấy nước ngọt ở San – Phu-lao (Cù Lao Chàm) rồi định hướng đến Sin (Trung Quốc).

(Theo Truyện về Ấn Độ và Trung Quốc, bản dịch)

7. Quan sát hình 6 (trang 90, SGK), em có nhận xét gì về công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm xưa?
8. Sưu tầm tư liệu và viết một đoạn giới thiệu về một di tích văn hoá Chăm ở nước ta. Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích?

A Trắc nghiệm

Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Địa bàn chủ yếu của Vương quốc Phù Nam là ở đâu?*

- A. Vùng ven biển miền Trung nước ta.
- B. Các tỉnh Nam Bộ nước ta.
- C. Vùng đồng bằng sông Cửu Long nước ta.
- D. Bao gồm nhiều vùng đất thuộc một số quốc gia Đông Nam Á hiện nay.

1.2. *Vương quốc Phù Nam được hình thành vào thời gian nào?*

- A. Đầu Công nguyên.
- B. Thế kỉ VII TCN.
- C. Cuối thế kỉ I TCN.
- D. Khoảng thế kỉ I.

1.3. *Vương quốc Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hoá nào?*

- A. Văn hoá Sa Huỳnh.
- B. Văn hoá Phù Nam.
- C. Văn hoá Óc Eo.
- D. Văn hoá tiền Óc Eo.

1.4. *Văn hoá Phù Nam chịu ảnh hưởng của nền văn hoá nào?*

- A. Văn hoá Óc Eo.
- B. Văn hoá Chăm-pa.
- C. Văn hoá Ấn Độ.
- D. Văn hoá Trung Quốc.

B Tự luận

1. Hoàn thiện sơ đồ (theo gợi ý) sau về quá trình hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.



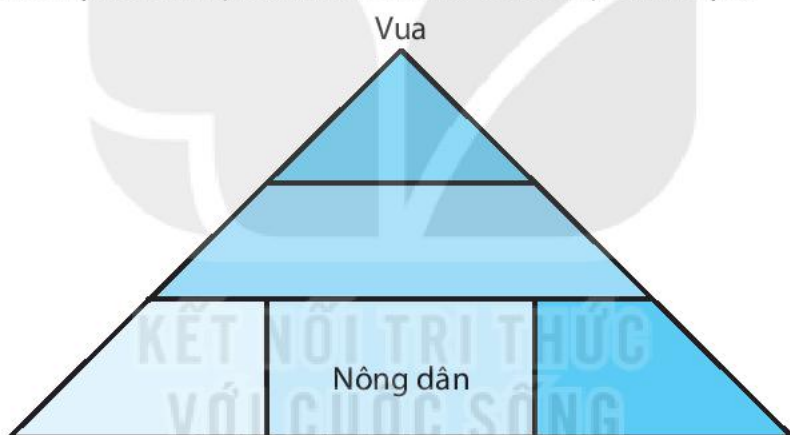
2. Hình 1 (trang 91, SGK) là những hiện vật liên quan đến Vương quốc Phù Nam. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc cổ này?

3. Hình 4, 5 (trang 92, SGK) và đoạn tư liệu sau cho em biết điều gì về cư dân Phù Nam?

Sử kí Trung Quốc chép về Vương quốc Phù Nam như sau: “Dân Phù Nam mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà, chuyên nghề buôn bán... Hàng hoá bán thường ngày là vàng, bạc, lụa,...”

(Theo Lê Hương, *Sử liệu Phù Nam*, NXB Nguyễn Nhiều, Sài Gòn 1974, tr.81)

4. Hãy cho biết những hoạt động kinh tế chính của cư dân Phù Nam.
5. Hãy hoàn thiện sơ đồ (theo gợi ý) sau về sự phân chia các tầng lớp trong xã hội Phù Nam. So sánh với kết quả bài 1 (Phần B, Bài 19), hãy chỉ ra nét tương đồng giữa các thành phần xã hội của Phù Nam so với xã hội Chăm-pa.

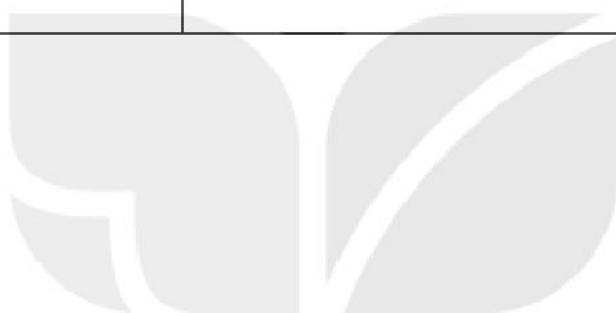


6. Hãy so sánh về hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm-pa theo bảng sau.

Nội dung so sánh	Phù Nam	Chăm-pa
Hoạt động kinh tế		
Tổ chức xã hội		

7. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy suy luận về nguyên nhân khiến cho Vương quốc Phù Nam bị suy vong vào đầu thế kỉ VII.
8. Hãy cho biết một số thành tựu văn hoá nổi bật của cư dân Phù Nam. Theo em, nét văn hoá nào của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ hiện nay?

Thành tựu	Những nét văn hoá còn được bảo tồn trong đời sống của nhân dân Nam Bộ ngày nay



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN HAI

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
B	B	D	C	B

2. Đáp án: Đúng: A, C; Sai: B, D.

B Tự luận

1. Lịch sử giúp tìm hiểu về cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc và cả nhân loại. Lịch sử còn giúp ta biết được thành công và thất bại trong quá khứ... để rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại và tương lai.

3. Lời căn dặn của Bác gợi nhớ lại lịch sử dựng nước hào hùng của dân tộc gắn với công lao to lớn của các Vua Hùng.

Từ đó, giúp chúng ta hiểu được: lịch sử đã có vai trò phục dựng lại quá trình lập nước từ thời các Vua Hùng đến ngày nay, chúng ta tự hào tiếp nối truyền thống đó, tự đúc kết những bài học kinh nghiệm để xây dựng cuộc sống hiện tại và tương lai tốt đẹp hơn.

Bài 2. DỰA VÀO ĐÂU ĐỂ BIẾT VÀ PHỤC DỰNG LẠI LỊCH SỬ?

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4
A	B	D	D

2. Đáp án: Đúng: B, C, G, H, I; Sai: A, D, E.

3. Ghép: 1 – c, d; 2 – a, e; 3 – b, g.

B Tự luận

1. Ngoài ba loại tư liệu (tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết), còn nhiều nguồn sử liệu khác có thể sử dụng như: phim ảnh, băng ghi hình, ghi âm, tư liệu điền dã dân tộc học, ngôn ngữ,...

2. Mỗi nguồn sử liệu đều cho biết hoặc tái hiện một phần cuộc sống trong quá khứ. Nếu tìm được nhiều loại tư liệu thì có thể phục dựng lại quá khứ một cách đầy đủ hơn.

3. a, d là *tư liệu hiện vật*; b là *tư liệu truyền miệng*; c là *tư liệu chữ viết*; a, d là tư liệu gốc.

4. Đây là dạng bài tập nhằm phát triển các năng lực cho HS thông qua làm việc với tư liệu lịch sử.

– Bước 1. Em cần đọc kĩ tư liệu trích dẫn, sau đó cần xác định (gạch chân) các từ, cụm từ thể hiện nội dung cốt lõi của tư liệu (từ khoá). Ví dụ:

+ Sử để ghi chép việc, mà việc thì hay hoặc dở đều làm gương để răn dạy cho đời sau.

+ Sử phải tỏ rõ được sự phải trái, công bằng, yêu ghét, vì lời khen của sử còn vinh dự hơn áo đẹp vua ban, lời chê của sử còn nghiêm khắc hơn búa rìu, sử thực sự là cái cân, cái gương của muôn đời.

– Bước 2. Căn cứ vào những từ khoá đã được xác định, em có thể rút ra những suy luận của bản thân (theo yêu cầu của đề bài). Ví dụ: qua hai đoạn trích dẫn cho thấy:

+ Lịch sử giúp ghi chép sự việc đã xảy ra (Sử để ghi chép việc).

+ Lịch sử phải đảm bảo tính trung thực, khách quan (phải tỏ rõ phải trái, công bằng, yêu ghét).

- + Vai trò của Lịch sử: nêu gương, giúp người đời sau tự rút ra những bài học kinh nghiệm,... (làm gương để răn dạy cho đời sau; là cái cân, cái gương muôn đời)...

Bài 3. THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4
C	B	B	B

2. Đáp án: Đúng: A, B, C; Sai: D.

3. Ghép:

3.1. 1 – b; 2 – d; 3 – e; 4 – g; 5 – a; 6 – c.

3.2. 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b.

B Tự luận

2. Câu trả lời lần lượt: âm lịch, dương lịch, âm lịch, âm lịch.

3. Để xác định thời gian, loài người đã phát minh ra nhiều loại đồng hồ đo thời gian: đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ mặt trời,...

4. Thuận lợi: Người dân sử dụng biết được cả ngày tháng âm lịch và dương lịch, vừa phù hợp với các hoạt động văn hoá truyền thống cũng như công việc hành chính của nhà nước, quan hệ đối ngoại với các nước trên thế giới...

Khó khăn: Có khi nhầm lẫn ngày, tháng âm lịch với dương lịch...

5. Con số chính xác lần lượt là: 2 229 năm, 1 308 năm, năm 930, 28 thế kỉ.

Bài 4. NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
C	B	B	C	A

2. Đáp án:

2.1. Đúng: A, D ; Sai: B, C.

2.2. Đ, Đ, Đ, S.

3. (1) 5 triệu năm trước; (2) Gia-va; (3) 2 triệu; (4) mảnh di cốt và công cụ đá; (5) tinh khôn; (6) 4 vạn năm.

B Tự luận

1. Giống Người tinh khôn: Người tối cổ đã đi, đứng bằng hai chân, hai chi trước đã thành hai tay, có thể cầm nắm,...
Giống Vượn người: Dáng đi còn khom lưng, còn một lớp lông mỏng bao phủ trên người, mặt và hàm dô về phía trước,...
2. Các dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người (di cốt, công cụ) được phân bố hầu khắp ở cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, từ Bắc đến Nam,... chứng tỏ người nguyên thủy đã sớm có mặt, sinh sống ở khu vực này.

Bài 5. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
D	A	B	B	C	B	D	D

2. Đáp án: Đúng: A, C, D, G; Sai: B, E, H.

3. Ghép: 1 – a, b, g, h; 2 – e; 3 – c, d.

4. (1) biết làm nhiều đồ trang sức; (2) bước đầu biết làm nông nghiệp; (3) chế độ công xã thị tộc; (4) Nhờ có lao động.

B Tự luận

3. Con người đã bước đầu chủ động được nguồn thức ăn, hạn chế phụ thuộc vào săn bắn, hái lượm; đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao,...

Bài 6. SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4
C	B	C	B

2. Đáp án:

2.1. Đúng: A, B, C, E; Sai: D.

2.2. Đúng: A, B, C; Sai: D.

3. Ghép: 1 – b; 2 – c; 3 – d; 4 – e; 5 – a.

4. (1) 4 000; (2) dư thừa thường xuyên; (3) chiếm đoạt; (4) giai cấp.

B Tự luận

2. – Đẩy mạnh sản xuất, nhiều ngành sản xuất mới được ra đời: nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi, nghề luyện kim và chế tạo đồ đồng cùng với các nghề dệt vải, làm đồ gốm,...; trao đổi, buôn bán cũng phát triển.

– Sản xuất phát triển, tạo ra của cải ngày càng nhiều. Con người không chỉ đủ ăn mà còn tạo ra sản phẩm dư thừa thường xuyên.

– Một bộ phận người chiếm hữu của dư thừa làm của riêng, ngày càng giàu lên, xã hội bắt đầu có sự phân hoá giàu – nghèo. Chế độ công xã thị tộc bị rạn vỡ, xã hội nguyên thủy dần tan rã. Loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà nước.

3. Công cụ bằng kim loại đã dẫn tới sự phát triển của nông nghiệp. Công việc làm nông nghiệp nặng nhọc nên đàn ông phải đảm nhiệm, dần dần vai trò của họ ngày càng quan trọng, họ có quyền quyết định trong gia đình, con cái lấy theo dòng họ cha,... dẫn tới sự hình thành các gia đình phụ hệ.

Các gia đình này có xu hướng tách khỏi các công xã thị tộc, đến những nơi ở mới thuận lợi hơn để làm ăn, là cơ sở dẫn đến sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

4. Điều kiện thuận lợi: Đất đai rất màu mỡ, dễ canh tác, nguồn nước tưới tiêu đầy đủ,... nhu cầu trị thủy cũng là điều kiện để dẫn tới sự hình thành các quốc gia sơ kì dẫn đến nông nghiệp phát triển, của cải dư thừa ngày càng thường xuyên.

Bài 7. AI CẬP VÀ LƯỞNG HÀ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7
A	D	A	A	A	D	D

2. Đáp án:

2.1. Đúng: A, C, D; Sai: B, E.

2.2. Đúng: B, C, G; Sai: A, D, E.

3. A. (1) Ai Cập cổ đại, (2) năm 3200 TCN.

B. (3) II TCN, (4) lưu vực Lưỡng Hà.

B Tự luận

1. Phù sa của các dòng sông rất màu mỡ, đặc biệt là rất mềm nên dễ canh tác (chỉ cần công cụ gỗ, đá là có thể trồng cấy được); có nguồn cung cấp nước tưới rất dồi dào; là tuyến đường giao thương buôn bán thuận lợi.
2. Vì các quốc gia này hình thành ở lưu vực các dòng sông nên đất đai phì nhiêu, dễ canh tác; nguồn nước tưới dồi dào,... thuận lợi cho nông nghiệp.
3. Người đàn ông dùng bò kéo cày gỗ để làm đất. Sức nặng của cái cày cùng với sức kéo của gia súc sẽ làm lật những lớp đất phía sâu tốt hơn (mềm, tơi xốp, nhiều chất dinh dưỡng) thuận lợi cho việc gieo trồng. Đi sau người đàn ông là người phụ nữ đang tra hạt giống, việc gieo trồng sẽ hiệu quả hơn.
5. HS liên hệ với hiện tại để chỉ ra một số thành tựu mà ngày nay chúng ta vẫn được thừa hưởng. Ví dụ: Chữ viết, hệ đếm 60, một số công trình kiến trúc,... HS lựa chọn một thành tựu mà mình ấn tượng nhất và giải thích vì sao ấn tượng với thành tựu đó.

Bài 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6
D	B	D	A	C	C

2. Ghép: 1 – d; 2 – a; 3 – c; 4 – b.

3. (1) Đạo Bà La Môn; (2) đạo Phật; (3) Thích Ca Mâu Ni.

B Tự luận

3. Gạch chân dưới những từ/cụm từ thể hiện quan điểm của đạo Phật và đạo Bà La Môn trong hai đoạn tư liệu.

Có thể rút ra nhận xét: Quan điểm của đạo Phật mâu thuẫn với quan điểm phân biệt đẳng cấp của đạo Bà La Môn bởi vì đạo Phật cho rằng con người trong xã hội là bình đẳng. Còn quan điểm của đạo Bà La Môn thì cho rằng người thuộc đẳng cấp Su-đra chỉ được đối xử như con vật.

4. Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn (đạo Phật, đạo Bà La Môn), nhiều bộ sử thi lớn (*Ma-ha-bha-ra-ta*, *Ra-ma-y-a-na*). Tôn giáo và sử thi Ấn Độ có sức lan toả và ảnh hưởng mạnh mẽ đối với nhiều dân tộc khác.

Bài 9. TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9
D	C	B	D	D	A	D	B	B

2. Ghép: 1 – c; 2 – b; 3 – a.

3. A. (1) Ai Cập, vùng Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc.

B. (2) thiên niên kỉ IV, (3) thiên niên kỉ III.

C. (4) nông dân công xã; (5) công xã; (6) lao dịch; (7) quý tộc.

4. (1) quan lại, nông dân giàu có; (2) nhận ruộng; (3) cày cấy; (4) nông dân lĩnh canh; (5) địa tô; (6) phong kiến.

B Tự luận

4. Sơ đồ trong SGK là một dạng tư liệu lịch sử. Em cần quan sát kĩ sơ đồ, từ đó nêu những điều em rút ra được về xã hội Trung Quốc thời Tần. Có những điều em có thể trực tiếp chỉ ra khi quan sát sơ đồ, nhưng cũng có những điều phải thông qua suy luận mới có được. Ví dụ:
- Thông tin trực tiếp từ sơ đồ (cơ bản): xã hội hình thành các giai cấp mới:
 - + Địa chủ: chính là quý tộc, quan lại chiếm nhiều ruộng đất và một bộ phận nông dân giàu có (có ruộng đất).
 - + Tá điền (nông dân lĩnh canh): là những người nông dân bị mất ruộng đất, phải nhận ruộng của địa chủ để canh tác và nộp tô cho địa chủ.
 - Thông tin do suy luận mà có (nâng cao): Từ những thông tin trên có thể khẳng định: Xã hội Trung Quốc thời Tần phân hoá thành các giai cấp: bóc lột (địa chủ) và bị bóc lột (tá điền). Quan hệ bóc lột giữa địa chủ và tá điền được xác lập (thông qua tô ruộng đất).
5. Liên hệ thực tế, trao đổi với người thân để biết được thành tựu nào của văn minh Trung Quốc có từ thời cổ đại đến thế kỉ VII được truyền bá hoặc còn ảnh hưởng ở Việt Nam đến ngày nay.

Bài 10. HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
B	C	D	C	D

2. Đáp án: Đúng: B, D, E; Sai: A, C.

3. Ghép: 1 – a, c; 2 – b, d.

B Tự luận

2. So sánh:

- Giống nhau: Bán đảo nằm sát Địa Trung Hải, có nhiều vũng, vịnh kín gió; lòng đất nhiều khoáng sản,...
- Khác nhau: Thời kì đế chế, lãnh thổ La Mã mở rộng ra cả ba châu lục, với nhiều đồng bằng,...

3. – Nơi đây đất đai khô cằn, nhỏ hẹp, không thuận lợi cho việc trồng lúa mì, chỉ thích hợp với trồng cây lâu năm như nho, ô liu,...

- Do đường bờ biển khúc khuỷu, tạo nhiều vịnh, hải cảng, thuận lợi cho việc đi lại, neo đậu của tàu thuyền, tạo điều kiện cho nền kinh tế thương nghiệp, nhất là ngoại thương rất phát triển.

- Lòng đất có nhiều khoáng sản nên thuận lợi cho thủ công nghiệp phát triển.

4. Ở Hy Lạp, nền dân chủ được duy trì trong suốt thời kì Hy Lạp cổ đại.

Ở La Mã có sự thay đổi từ thể chế cộng hòa sang đế chế. Từ cuối thế kỉ I TCN đến thế kỉ V, thể chế quân chủ được xác lập, đứng đầu là hoàng đế.

5. HS đọc kĩ nội dung SGK và tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet để trả lời câu hỏi liên hệ thực tế này.

Bài 11. CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7
D	B	B	C	B	A	C

2. Đáp án: Đúng: A, C, D; Sai: B.

3. 3.1; 3.2; 3.4; 3.5; 3.6.

B Tự luận

2. – Có điều kiện giao lưu kinh tế với bên ngoài từ rất sớm.
– Chịu ảnh hưởng của gió mùa kèm theo mưa, thích hợp cho sự phát triển trồng trọt, đặc biệt là cây lúa nước, cây gia vị.
3. Đã có sự giao lưu, buôn bán với các nước khác.
4. Ví dụ:
 - *Chuột sa chĩnh gạo*
 - *Cơm hầm cà thiêu*
 - *Cơm hàng cháo chợ*
 - *Cơm không ăn gạo còn đó*
 - *Cơm là gạo áo là tiền*
 - *Cơm lạnh canh nguội*
 - *Cơm sôi bớt lửa chống giận bớt lời*
5. Chọn hai thành tựu mà em ấn tượng nhất và giải thích rõ lí do vì sao em lựa chọn thành tựu đó. Ví dụ, em chọn: Nông nghiệp trồng lúa nước (giải thích); Buôn bán đường biển (giải thích).

Bài 12. SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X)

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
B	C	D	B	A

2. Đáp án: Đúng: B, C, D; Sai: A.
3. Ghép: 1 – c; 2 – b; 3 – d; 4 – a.

B Tự luận

1. HS hoàn thiện bảng theo gợi ý sau:

Tên vương quốc phong kiến	Tên quốc gia ngày nay
Đại Cồ Việt	Việt Nam
Pa-gan	Mi-an-ma
...	...
...	...

2. – Hình thành các thương cảng sầm uất,...

- Các sản vật của Đông Nam Á trở nên nổi tiếng, đặc biệt là hương liệu và gia vị,...
- Những tuyến đường biển kết nối Á – Âu được hình thành, sau này gọi là Con đường Gia vị.

3. – Làm xuất hiện một số thương cảng sầm uất, trở thành những điểm kết nối kinh tế giữa các châu lục.

- Nhiều sản phẩm của các quốc gia Đông Nam Á trở nên nổi tiếng trên các tuyến đường buôn bán khu vực và quốc tế, như hương liệu và gia vị.

BÀI 13. GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6
C	B	A	B	A	B

2. Đáp án: Đúng: A, D; Sai: B, C.

3. Ghép: 1 – e; 2 – c; 3 – a; 4 – d; 5 – b.

B Tự luận

1. Ý kiến của nhóm B là đúng. Vì:

- Các cư dân Đông Nam Á từ lâu đã có những tín ngưỡng dân gian trước khi tiếp thu các tôn giáo từ Ấn Độ và Trung Quốc...
- Dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ sáng tạo ra chữ viết riêng của mình,...
- Nhiều tác phẩm sử thi ở các quốc gia Đông Nam Á được phóng tác, mô phỏng theo nội dung của sử thi Ấn Độ (*Ra-ma-y-a-na*).

4. Biểu tượng của dải màu vàng trong vòng tròn chính giữa lá cờ chính là biểu tượng cho bó lúa nước (Đông Nam Á là quê hương của cây lúa nước), mỗi dải lụa tượng trưng cho một quốc gia trong khu vực,...

Bài 14. NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
C	B	C	C	B	C	C	D

2. Đáp án: Đúng: A, C, D, E, G; Sai: B.

3. (1) nhà sàn; (2) kẻ, chống, chạ; (3) thuyền; (4) gạo nếp, gạo tẻ; (5) ngang vai, búi tóc hoặc tết kiểu đuôi sam.

B Tự luận

1. HS có thể lựa chọn theo nhận thức của mình, không nhất thiết phải theo các từ khoá cố định. Ví dụ: Văn Lang, Âu Lạc, Hùng Vương, Thục Phán; Phong Châu; Cổ Loa; Lạc tướng; Bồ chính; Trống đồng; Lúa nước.

2. HS có thể dựa vào thông tin trong SGK để trả lời:

- Nhà nước Văn Lang còn đơn giản, sơ khai: Nhà nước ra đời dựa trên sự hợp nhất của 15 bộ; Hùng Vương thực chất giống như một thủ lĩnh quân sự; phân hoá xã hội giàu – nghèo chưa thực sự sâu sắc; tổ chức nhà nước còn đơn giản, chưa có luật pháp, chữ viết,...

– Ý nghĩa ra đời của Nhà nước Văn Lang: kết thúc hoàn toàn thời đại nguyên thủy, mở ra thời đại dựng nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

3. HS dựa vào thông tin và hình ảnh trong SGK để chỉ ra được dẫn chứng từ những hoa văn trên trống, người đời sau hiểu được thức ăn của người Việt cổ (lúa gạo); mặc (váy, khố,...); ở (nhà sàn); đi lại (thuyền); đời sống tinh thần (sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, múa hát,...),...
4. HS trình bày theo nhận thức của riêng mình, nhấn mạnh những ý sau: sự mở đầu thời đại có nhà nước, tạo dựng các giá trị văn minh và đặt nền tảng cho các phong tục, tập quán của người Việt sau này,...
5. HS có thể nêu: Ý niệm về Tổ quốc – đồng bào và nền kinh tế gốc nông nghiệp (trồng lúa); các thành tựu vật chất như trống đồng, thạp đồng, di tích thành Cổ Loa,...; các thói quen sinh hoạt như thức ăn chính vẫn là lúa gạo, ở nhà sàn; di chuyển bằng thuyền; sinh hoạt cộng đồng,...; các phong tục tập quán như nhuộm răng, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy,...

Bài 15. CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6
A	B	B	C	C	D

2. Đáp án: Đúng: B, C, D, E; Sai: A

3. (1) nhà Đường; (2) khởi nghĩa; (3) đồng hoá dân tộc; (4) người Hán; (5) tập quán.

B Tự luận

1. Nhận xét: Sự hà khắc, tàn bạo, tham lam, thâm hiểm của chính quyền đô hộ.
3. Những từ/cụm từ thể hiện tính cách và cách thức cai trị của một số quan lại đứng đầu chính quyền đô hộ các cấp của phong kiến phương Bắc:
Thái thú Tô Định: “tham lam, tàn bạo”, “thấy tiền thì giương mắt lên”.

Thái thú Tôn Tư (nhà Ngô): “tham bạo, làm hại dân chúng”.

Thứ sử Tiêu Tư (nhà Lương): “tàn bạo, khắc nghiệt”.

Đô hộ An Nam Lý Tượng Cổ (nhà Đường): “tham bạo, hà khắc, mất lòng dân chúng”.

Tiết độ sứ Thái Kinh (nhà Đường): “hà khắc thảm hại”.

Điểm giống nhau: Điều thể hiện bản chất tham lam, hà khắc, tàn bạo trong cai trị nhân dân ta của các viên quan cai trị phương Bắc.

Bài 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7
B	C	D	C	D	B	C

2. Ghép: 1 – b; 2 – e; 3 – a; 4 – d; 5 – c.

3. Đáp án: Đúng: D, E; Sai: A, B, C.

B Tự luận

2. Thể hiện cái nhìn sai lệch, phản ánh không đúng bản chất các cuộc đấu tranh giành quyền độc lập, tự chủ chính đáng của nhân dân ta khi coi đó như những cuộc “nổi loạn”.

Tuy nhiên, nhận định đó cũng phản ánh đúng thực tế việc cai trị của chính quyền phong kiến phương Bắc ở nước ta rất khó khăn khi nhân dân ta liên tục nổi dậy đấu tranh, khởi nghĩa.

3. HS sử dụng những kiến thức đã học trong bài để làm rõ: Trong suốt thời kì Bắc thuộc, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta đã bùng nổ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,... Các cuộc nổi dậy liên tục của nhân dân chứng minh truyền thống đã trở thành như chân lí: “Việt Nam – một dân tộc không chịu cúi đầu...” vì nền độc lập tự chủ của dân tộc.

Bài 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3
D	C	D

2. Đáp án: Đúng: A, B, C, E, G; Sai: D.

B Tự luận

1. Tục thờ cúng vua Hùng, thờ cúng tổ tiên; nhuộm răng ăn trầu; làm bánh chưng, bánh giầy...
2. HS được trình bày suy nghĩ độc lập của mình. Gợi ý: Trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nền văn hoá Việt có những thay đổi, mới mẻ (như bề ngoài của một ngôi nhà được sơn, trang trí mới) nhưng không bị thay đổi bản chất bên trong (như cấu trúc kèo, cột vững chắc bên trong của ngôi nhà). Việc người Việt vẫn nói tiếng Việt, duy trì những phong tục, tập quán của riêng mình như: tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên, búi tóc, xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy,... cho thấy sức sống mãnh liệt, bền vững của văn hoá dân tộc.
3. Đây cũng là dạng bài tập yêu cầu các em làm việc với tư liệu lịch sử. Em cần giải quyết bài tập này theo các bước sau đây:
 - Bước 1: Chỉ ra thông tin trực tiếp thấy được từ nguồn tư liệu: gạch chân dưới những từ ngữ thể hiện nội dung cốt lõi của tư liệu (từ khoá) để làm căn cứ trả lời. Ví dụ: Việt là đất ngoài cõi; dân cắt tóc, vẽ mình; không thể lấy pháp độ của nước đời mũ mang đai mà trị.
 - Bước 2: Xác định điều em rút ra (suy luận của em dựa trên thông tin đã có): Điều đó cho thấy: Nước Việt không không phải là Hán, có truyền thống văn hoá, tập quán riêng, nước lớn (Hán) không thể áp đặt cách cai trị theo cách của họ. Đây là một minh chứng cho truyền thống “bất khuất – không chịu cúi đầu” của dân tộc Việt.

Bài 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3	1.4
C	B	C	C

2. (1) 905; (2) Ninh Giang, Hải Dương; (3) Tiết độ sứ; (4) Nam Hán; (5) Dương Đình Nghệ; (6) Hoàng Tháo; (7) Quảng Đông.

3. Đáp án: Đúng: B, C, E, G; Sai: A, D.

B Tự luận

2.2.1. HS có thể lựa chọn một nhân vật mà mình ấn tượng nhất và nêu suy nghĩ của mình vai trò, vị trí của nhân vật đó.

2.2. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 được coi là một bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc vì đã khép lại thời kì hơn một nghìn năm nhân dân ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ, mở ra một trang sử mới – thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc.

3. Gợi ý: HS sử dụng kiến thức được học trong bài để làm sáng tỏ: Ngô Quyền là người mưu lược, biết đánh giá đúng thế mạnh – điểm yếu của cả địch và ta; từ đó đề ra được cách đánh giặc độc đáo – trở thành nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đây chính là nguyên nhân quan trọng nhất quyết định chiến thắng. Vì vậy, chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chứng tỏ nhận định “mưu cũng giỏi mà đánh cũng giỏi” rất chính xác.

Bài 19. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

A Trắc nghiệm

1.

1.1	1.2	1.3
C	D	A

2. Ghép: 1 – b, d; 2 – c, g; 3 – a, e.

B Tự luận

1. Hoàn thiện sơ đồ và nhận xét: Hai tầng lớp trên cùng là tầng lữ và quý tộc, chiếm số lượng ít hơn nhiều so với dân tự do; dân tự do là tầng lớp đông đảo nhất, làm nhiều nghề khác nhau; nô lệ là tầng lớp chiếm số lượng nhỏ, chủ yếu phục vụ trong gia đình quý tộc.

3. Một số thành tựu còn bảo tồn đến ngày nay: Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), cụm Tháp Hòa Lai (Ninh Thuận), lễ hội Ka-tê,...

4. Giống nhau: Đều làm nông nghiệp trồng lúa, nghề thủ công.

Khác nhau:

– Chăm-pa: bên cạnh nghề nông nghiệp trồng lúa, nghề thủ công còn có nghề đi biển và buôn bán đường biển thông qua các hải cảng. Vương quốc Chăm-pa được coi là một thế lực biển hùng mạnh trung; tâm buôn bán quốc tế lớn, kết nối với Trung Hoa, Ấn Độ và các nước Ả Rập.

– Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc chỉ là nông nghiệp trồng lúa nước kết với trồng hoa màu và làm nghề thủ công.

5. – Trình độ kĩ – mỹ thuật: Đài thờ Trà Kiệu được đánh giá là một trong những kiệt tác điêu khắc thời Chăm-pa. Trên các mặt của đài thờ là hình các vũ nữ đang múa được chạm khắc một cách khéo léo, tinh xảo, chứng tỏ trình độ kĩ – mỹ thuật của người Chăm xưa điêu luyện.

– Đời sống văn hoá: Chứng tỏ đời sống văn hoá của người Chăm xưa rất phong phú, có sự giao lưu rõ nét với văn hóa Ấn Độ và Đông Nam Á.

6. Chăm-pa là một trung tâm buôn bán, kết nối trên biển giữa Ấn Độ và Trung Quốc (thông qua cảng Cù Lao Chàm). Những mặt hàng mà người Chăm trao đổi với thương nhân nước ngoài là nước ngọt và các sản vật quý (trầm hương,...).

7. Mỹ Sơn là khu thánh địa có tính linh thiêng bậc nhất của người Chăm xưa. Đây là công trình tương đối đồ sộ, với rất nhiều phong cách kiến trúc, điêu khắc

chạm nổi rất tinh xảo,... chứng tỏ trình độ và tài năng của các nghệ nhân,... Vì vậy, Thánh địa Mỹ Sơn đã được UNESCO bình chọn là Di sản văn hóa thế giới năm 1999.

8. HS sưu tầm tư liệu và thông tin từ internet, sách báo để hoàn thiện bài giới thiệu.

Bài 20. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

A Trắc nghiệm

1.1	1.2	1.3	1.4
B	D	C	C

B Tự luận

2. Những hiện vật ở hình 1 chứng tỏ trình độ kỹ – mỹ thuật cao và đời sống văn hoá tinh thần phong phú của cư dân Vương quốc Phù Nam.
3. Sự xuất hiện và sử dụng tiền trong trao đổi chứng tỏ một nền kinh tế hàng hoá rất phát triển tại Vương quốc Phù Nam. Chiếc huy chương như một minh chứng sống động cho việc giao lưu buôn bán với thương nhân nước ngoài. Hình 4, 5 và đoạn tư liệu chứng tỏ sự phát triển mạnh của các hoạt động buôn bán bằng đường biển của cư dân Vương quốc Phù Nam với thương nhân nước ngoài thông qua cảng thị Óc Eo.
5. Nét tương đồng của xã hội Phù Nam so với xã hội Chăm-pa: Xã hội phân hoá thành nhiều tầng lớp, trong đó các tầng lớp chính là: tầng lữ, quý tộc, thương nhân, thợ thủ công, nông dân; đặc biệt là tầng lớp thương nhân (gắn với buôn bán đường biển).
6. So sánh:
- Hoạt động kinh tế chủ yếu tương đồng nhau: trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất hàng thủ công; khai thác các nguồn lợi tự nhiên của rừng và biển; buôn bán bằng đường biển phát triển.

– Tổ chức xã hội:

+ Nét tương đồng là chủ yếu: Xã hội phân chia thành các tầng lớp chính như: tầng lữ, quý tộc, dân tự do (thương nhân, thợ thủ công).

+ Khác nhau: Ở Chăm-pa, có một bộ phận nhỏ là nô lệ, (phục vụ trong gia đình quý tộc).

7. Nguyên nhân khiến Phù Nam suy vong: Hiện tượng nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nhiều vùng đất canh tác và địa bàn sinh sống của cư dân; sự suy tàn của cảng thị Óc Eo do sự thay đổi của điều kiện tự nhiên,... là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy vong của Vương quốc và bị thôn tính vào đầu thế kỉ VII.

8. HS dựa vào nội dung trong SGK và tìm kiếm thêm trên internet, sách báo để hoàn thiện.

Một số nét văn hoá còn bảo tồn trong đời sống của nhân dân Nam Bộ: tôn giáo, tín ngưỡng, đời sống vật chất – ăn, nhà ở, mặc,... và đời sống tinh thần như đạo Phật,...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DŨNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 - PHẦN LỊCH SỬ

Mã số: G1BH6U001H21

In cuốn (QĐ SLK), khổ 17 x 24cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB: 378-2021/CXBIPH/1-175/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-0-26101-4